

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa và Thể thao giữ nguyên, mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3723/QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành Danh mục thủ

tục hành chính cấp địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Quyết định số 3808/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quảng cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 4005/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thư viện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhiếp ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 45 /TTr-SVHTT ngày 05 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa và Thể thao giữ nguyên, mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Trung tâm Thông tin Dịch vụ công (đề cập nhật);
- Báo Đà Nẵng, Công TTTTTP, Đài PT-THDN;
- Lưu: VT, VP UBND, SVHTT.



Lê Trung Chinh

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, SỬA ĐỔI, GIỮ NGUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)



STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
1	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA	G16-VH02		
1	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	2.001631	Sửa đổi	
2	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	1.003838	Giữ nguyên	
3	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	2.001613	Giữ nguyên	
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1.003793	Giữ nguyên	
5	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	2.001591	Giữ nguyên	
6	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1.003738	Giữ nguyên	
7	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1.003646	Giữ nguyên	
8	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1.003835	Sửa đổi	
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001106	Giữ nguyên	
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1.001123	Giữ nguyên	
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.001822	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1.002003	Giữ nguyên	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1.003901	Giữ nguyên	
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	2.001641	Giữ nguyên	
II	LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH	G16-VH03		
15	Thủ tục cấp giấy phép phân loại phim	1.011454	Giữ nguyên	
III	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM	G16-VH10		
16	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	1.001833	Giữ nguyên	
17	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	1.001809	Giữ nguyên	
18	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1.001778	Giữ nguyên	
19	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1.001755	Giữ nguyên	
20	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	1.001738	Giữ nguyên	
21	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	1.001704	Sửa đổi	
22	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	1.001671	Sửa đổi	
23	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001229	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
24	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001182	Giữ nguyên	
25	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1.001191	Giữ nguyên	
26	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001211	Giữ nguyên	
27	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1.001147	Giữ nguyên	
IV	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO	G16-VH12		
28	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn	1.004650	Sửa đổi	
29	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1.004645	Giữ nguyên	
30	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004639	Sửa đổi	
31	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004666	Sửa đổi	
32	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1.004662	Sửa đổi	
V	LĨNH VỰC VŨ TRƯỜNG	G16-VH07		
33	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.001008	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
34	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1.000922	Giữ nguyên	
VI	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUỐC TẾ			
35	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	2.001496	Sửa đổi	
36	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	1.003784	Giữ nguyên	
37	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	1.003743	Giữ nguyên	
38	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1.003560	Giữ nguyên	
39	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc	1.01015	Giữ nguyên	
40	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu danh mục đối với đồ chơi trẻ em, máy móc thiết bị	1.010105	Giữ nguyên	
VII	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN	G16-VH10		
41	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1.009397	Giữ nguyên	
42	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên	1.009398	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
	địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)			
43	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1.009399	Giữ nguyên	
44	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1.009403	Giữ nguyên	
VIII	LĨNH VỰC THƯ VIỆN	G16-VH11		
45	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008895	Sửa đổi	
46	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008896	Sửa đổi	
47	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1.008897	Giữ nguyên	
IX	LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ	G16-VH05		
48	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003676	Giữ nguyên	
49	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1.003654	Giữ nguyên	
X	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH			
50	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ	1.012080	Mới	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
	giúp phòng, chống bạo lực gia đình			
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012081	Mới	
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	1.012082	Mới	
XI	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO	G16-VH14		
53	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1.002445	Giữ nguyên	
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1.002396	Giữ nguyên	
55	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1.003441	Giữ nguyên	
56	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000983	Giữ nguyên	
57	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của thành phố	1.001782	Giữ nguyên	
58	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao thành phố tổ chức	1.002013	Giữ nguyên	
59	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1.000953	Giữ nguyên	
60	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1.000936	Giữ nguyên	
61	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1.000920	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
62	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1.001195	Giữ nguyên	
63	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1.000904	Giữ nguyên	
64	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1.000883	Giữ nguyên	
65	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	1.000863	Giữ nguyên	
66	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1.000847	Giữ nguyên	
67	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1.000830	Giữ nguyên	
68	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1.000814	Giữ nguyên	
69	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	1.000644	Giữ nguyên	
70	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1.000842	Giữ nguyên	
71	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1.005163	Giữ nguyên	
72	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	2.002188	Giữ nguyên	
73	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	1.000594	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
	kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí			
74	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1.000560	Giữ nguyên	
75	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1.000544	Giữ nguyên	
76	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1.001213	Giữ nguyên	
77	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1.000518	Giữ nguyên	
78	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1.000501	Giữ nguyên	
79	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1.000485	Giữ nguyên	
80	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1.005357	Giữ nguyên	
81	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1.001801	Giữ nguyên	
82	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1.001500	Giữ nguyên	
83	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1.005162	Giữ nguyên	
84	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối	1.001517	Giữ nguyên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	TTHC mới, sửa đổi, giữ nguyên	Ghi chú
	với môn Leo núi thể thao			
85	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1.001527	Giữ nguyên	
86	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1.001056	Giữ nguyên	

Tổng cộng: 86 TTHC; trong đó có 03 TTHC mới, 11 TTHC sửa đổi và 72 TTHC giữ nguyên.



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	Ghi chú
I	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH		
01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.005441	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
02	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.001420	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
03	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.001407	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
04	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	2.001414	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
05	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.000919	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
06	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.000817	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
07	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1.000454	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
08	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.000433	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
09	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1.000379	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	Ghi chú
10	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1.000104	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
11	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	2.000022	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
12	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	1.003310	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022.
II	QUẢN LÝ SỬ DỤNG VŨ KHÍ, SÚNG SẼN, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ		
13	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	1.004723	Thông tư số 12/2023/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành

Tổng cộng: 13 TTHC bãi bỏ

Phụ lục III
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

I. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

1. Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

(Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký trong thời hạn 15 ngày làm việc.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn xin đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Di vật, cổ vật phải được giám định tại cơ sở giám định cổ vật trước khi đăng ký.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010.

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa – Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

* *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ
DI VẬT, CỔ VẬT VÀ BẢO VẬT QUỐC GIA**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Họ và tên chủ sở hữu:.....
- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:
- Ngày tháng năm sinh:
- Điện thoại:
- Địa chỉ:

Tôi làm đơn này trân trọng đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao xem xét tổ chức đăng ký.... (số lượng) di vật (hoặc cổ vật hoặc bảo vật quốc gia) thuộc sở hữu hợp pháp của tôi.

Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định về phí, lệ phí và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ khi tổ chức đăng ký các di vật (cổ vật hoặc bảo vật quốc gia) nêu trên.

....., ngày... tháng... năm...

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

2. Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài xin nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012);

+ Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012).

- Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Địa điểm, ngày..... tháng..... năm
 Location, date month year

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
APPLICATION FOR

Cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
A license to research on and collect intangible cultural heritage

Kính gửi/To: Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố...
 Director of Department of Culture and Sports of Danang City

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (viết chữ in hoa)/ Name of Applicant
 (Organization and/or Individual (in capital letters):

- Ngày tháng năm sinh (đối với cá nhân)/ Date of birth (for individual):

- Nơi sinh (đối với cá nhân)/ Place of birth (for individual):

- Quốc tịch (đối với cá nhân)/ Nationality (for individual):

- Hộ chiếu (đối với cá nhân): Số:..... Ngày cấp:..... Nơi
 cấp:..... Ngày hết hạn:.....

Passport (for individual): No:..... Date of issue:..... Place
 of issue:..... Date of expiry:.....

- Địa chỉ (trụ sở chính đối với tổ chức/nơi thường trú đối với cá nhân)/ Address
 (headquarter of organization/residential address of individual):

Điện thoại/Tel:

2. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức)/ Legal representative (of
 organization):

- Họ và tên (viết chữ in hoa)/ Full name (in capital letters):

- Chức vụ/Position:

- Quốc tịch/Nationality: Điện thoại/Tel:

3. Loại hình, đối tượng di sản văn hóa phi vật thể đề nghị được nghiên cứu, sưu
 tầm/ Types, objects of intangible cultural heritage that are applied for research and
 collection:

4. Địa điểm tiến hành nghiên cứu, sưu tầm/ Research and collection site:

5. Đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Giám đốc Sở Văn hóa,
 Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố..... cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di
 sản văn hóa phi vật thể/ We propose that the Minister of Culture, Sports and Tourism/
 the Director of Department of Culture, Sport and Tourism issue a license for the
 research on and/or collection of the intangible cultural heritage.

6. Cam kết/ We hereby commit: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề
 nghị cấp giấy phép và sẽ thực hiện nghiên cứu, sưu tầm theo quy định của pháp luật
 Việt Nam/ To take full responsibility for the accuracy of the content of this application
 and we will undertake the research and collection in accordance with the Vietnamese
 laws.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
ORGANIZATION OR INDIVIDUALS APPLYING FOR THE LICENSE

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức) Signed, sealed, and name (in case of
 organization)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân) Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm
Location, date ... month ... year ...

ĐỀ ÁN
PROJECT ON

Nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể
Research and collection of intangible cultural heritage

1. Tên gọi Đề án/Project name:
2. Nội dung Đề án/Content of project:
 - Loại hình, đối tượng nghiên cứu, sưu tầm/Types and objects of collection and research.
 - Mục đích nghiên cứu, sưu tầm/Objectives/Aims of the research and collection.
 - Địa điểm nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection site.
 - Phương pháp nghiên cứu, sưu tầm/Research and collection methods.
 - Kế hoạch, thời gian và kinh phí nghiên cứu, sưu tầm/Plan, timeline and budget for the research and collection.
 - Thông tin về tổ chức/cá nhân nghiên cứu, sưu tầm/Information about organization/individual who undertakes the research and collection.
 - Đối tác Việt Nam tham gia nghiên cứu, sưu tầm (*nếu có*)/Vietnamese partner involved in the research and collection (*if applicable*).
3. Dự kiến kết quả của Đề án/Expected outcomes of the project.
4. Đánh giá tác động của Đề án đối với di sản văn hóa phi vật thể và cộng đồng chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể/An assessment of the impacts of the project on the intangible cultural heritage and owners of the intangible cultural heritage.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LẬP ĐỀ ÁN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL DESIGNING THE PROJECT

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Signed, sealed, and full name (in case of organization)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)
Signed, sealed, and full name (in case of individuals)

3. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập bảo tàng ngoài công lập hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012);

+ Đề án hoạt động bảo tàng (Mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

- Đề án hoạt động bảo tàng (Mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện để thành lập bảo tàng bao gồm:

- Có sưu tập theo một hoặc nhiều chủ đề;
- Có nơi trưng bày, kho và phương tiện bảo quản;
- Có người am hiểu chuyên môn phù hợp với hoạt động bảo tàng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép
hoạt động bảo tàng ngoài công lập**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
- Nơi sinh (*đối với cá nhân*): Quốc tịch (*đối với cá nhân*):
- Căn cước công nhân (*đối với cá nhân người Việt Nam*): Số..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Hộ chiếu (*đối với cá nhân người nước ngoài*): Số..... Ngày cấp..... Nơi cấp..... Ngày hết hạn.....
- Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):
- Điện thoại:
2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):
- Họ và tên (*viết chữ in hoa*):
- Chức vụ:
- Quốc tịch: Điện thoại:
3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động:
- (*ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).
4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho.... (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).
5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật khi được cấp giấy phép./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN**Hoạt động bảo tàng (tên bảo tàng)**

1. Tên gọi, địa chỉ, địa bàn hoạt động:
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của (tên bảo tàng):
3. Nội dung trưng bày chính:
4. Danh sách hiện vật (sưu tập chính):
5. Đối tượng phục vụ:
6. Phương án và kế hoạch hoạt động của (tên bảo tàng):
7. Tổ chức bộ máy, nhân sự:
8. Trụ sở làm việc (địa điểm, diện tích nhà làm việc; diện tích nhà trưng bày, diện tích kho bảo quản, ...) và trang thiết bị, phương tiện phục vụ:
9. Kinh phí:
10. Kiến nghị của tổ chức/cá nhân xây dựng đề án cấp giấy phép hoạt động (tên bảo tàng).....

(Đối với việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập thuộc doanh nghiệp, ngoài các nội dung trên đây, đề án còn có các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và hướng dẫn của các cơ quan có liên quan).

XÁC NHẬN
CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
NƠI ĐẶT TRỤ SỞ CỦA BẢO TÀNG

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

4. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập bảo tàng ngoài công lập hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định, xác nhận hồ sơ về điều kiện thành lập bảo tàng ngoài công lập; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp từ chối, phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, Chủ tịch UBND thành phố có Quyết định cấp phép và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, Chủ tịch UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở VH TT hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012);

+ Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng (lấy từ Kho số hóa).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Tại Sở VH TT: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại UBND: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận tờ trình và hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập (Mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
- Nơi sinh (*đối với cá nhân*): Quốc tịch (*đối với cá nhân*):
- Căn cước công dân (*đối với cá nhân người Việt Nam*): Số.....
 Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Hộ chiếu (*đối với cá nhân người nước ngoài*): Số.....
 Ngày cấp.....Nơi cấp..... Ngày hết hạn.....
- Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):
- Điện thoại:
2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):
 - Họ và tên (*viết chữ in hoa*):
- Chức vụ:
- Quốc tịch: Điện thoại:
3. Địa điểm đặt trụ sở bảo tàng đề nghị cấp giấy phép hoạt động:
- (*Ghi rõ số nhà, đường phố, thôn, làng, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*).
4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ... cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho.... (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).
5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ tổ chức các hoạt động của bảo tàng theo đúng quy định của pháp luật khi được cấp giấy phép./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

5. Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp từ chối, phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cấp giấy phép khai quật khẩn cấp và báo cáo ngay cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Thời hạn cấp giấy phép khai quật khẩn cấp không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; trường hợp không cấp giấy phép, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (Phụ lục III Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008);

(2) Sơ đồ tỉ lệ 1:500, thể hiện rõ vị trí, diện tích địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp;

(3) Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

- Tại Sở VH TT: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại UBND thành phố: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ từ Sở VH TT.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng .

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (Phụ lục III Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Trong trường hợp địa điểm khảo cổ đang bị hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại.

- Các tổ chức được thăm dò, khai quật khảo cổ:

+ Cơ quan nghiên cứu khảo cổ học của Nhà nước.

+ Trường đại học có bộ môn khảo cổ học.

+ Bảo tàng và Ban Quản lý di tích của Nhà nước có chức năng nghiên cứu khảo cổ.

+ Hội có chức năng nghiên cứu khảo cổ ở Trung ương.

- Người chủ trì cuộc thăm dò, khai quật khảo cổ phải có các điều kiện sau đây:

+ Có bằng cử nhân chuyên ngành khảo cổ học hoặc bằng cử nhân chuyên ngành khác có liên quan đến khảo cổ học;

+ Có ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác khảo cổ;

- Trước khi tiến hành khai quật khẩn cấp, tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ phải ghi chép mô tả chi tiết, thu thập tài liệu, lập hồ sơ và chụp ảnh hiện trường.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
Tên cơ quan, tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20....

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Giới thiệu về vị trí địa lý, tọa độ, ý nghĩa, giá trị của địa điểm khảo cổ.
2. Nguyên nhân đe dọa sự tồn tại của địa điểm khảo cổ đang có nguy cơ bị hủy hoại.
3. Ước đoán niên đại của di chỉ, di vật (kèm theo ảnh của di chỉ, di vật và các tài liệu có liên quan).
4. Mục đích khai quật khẩn cấp.
5. Tổ chức chủ trì khai quật khẩn cấp.
6. Người chủ trì khai quật khẩn cấp.
7. Tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).
8. Vị trí địa điểm dự kiến khai quật khẩn cấp.
8. Diện tích khai quật khẩn cấp.
9. Thời gian khai quật khẩn cấp.
10. Đề xuất cơ quan, tổ chức được giao lưu giữ hiện vật thu thập được trong quá trình khai quật khẩn cấp.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm sơ đồ vị trí khai quật khẩn cấp);
-
- Lưu

Thủ trưởng đơn vị

(ghi rõ chức danh)

(Ký tên và đóng dấu)

Họ và tên của người ký

6. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành chứng chỉ. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ);

+ Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan;

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xét cấp chứng chỉ. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ hành nghề.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất; hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật;

(2) Không đang trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến di sản văn hóa theo quyết định của tòa án, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị quản chế hình sự hoặc quản chế hành chính;

(3) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong ngành di sản văn hóa không được phép mở cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. Bãi bỏ Điều 6 Nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị (*viết chữ in hoa*):
- Ngày tháng năm sinh (*đối với cá nhân*):
- Nơi sinh (*đối với cá nhân*):
- Căn cước công dân (*đối với cá nhân*): Số.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Địa chỉ (*nơi thường trú đối với cá nhân*):
- Điện thoại:
2. Người đại diện theo pháp luật (*đối với tổ chức*):
- Họ và tên (*viết chữ in hoa*):
- Chức vụ: Điện thoại:
3. Nêu chi tiết về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm liên quan tới di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.
4. Căn cứ quy định của pháp luật về di sản văn hóa, trân trọng đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho..... (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép*).
5. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung kê khai trong đơn và sẽ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đúng quy định của pháp luật sau khi được cấp chứng chỉ./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

7. Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với Bảo tàng cấp tỉnh, Ban hoặc Trung tâm quản lý di tích

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia và gửi lại Sở Văn hóa và Thể thao để gửi cho tổ chức, công dân.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia);

+ Hồ sơ hiện vật, gồm:

Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia);

Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số;

Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa);

Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật;

Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

- Số lượng hồ sơ: 04 bộ gồm: 01 bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân lập hồ sơ; 03 bộ hồ sơ gửi đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây:

- Là hiện vật gốc độc bản;

- Là hiện vật có hình thức độc đáo;

- Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.

- Hiện vật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN THUYẾT MINH VỀ HIỆN VẬT
ĐỀ NGHỊ CÔNG NIÊN BẢO VẬT QUỐC GIA**

1. **Tên hiện vật** (tên gọi phổ thông):
2. **Tên khác** (nếu có):
3. **Tên đơn vị và cá nhân lưu giữ hiện vật:**
4. **Số đăng ký:** Do đơn vị, cá nhân đề nghị tự quy định
5. **Chất liệu:** Chất liệu chính
6. **Kích thước (cm):** ghi rõ 03 kích thước cơ bản: Đường kính miệng, Đường kính đáy, chiều cao; Đối với hiện vật thể khối dẹt: chiều dài, chiều rộng, chiều cao.
7. **Trọng lượng (gram):**
8. **Số lượng:** Nếu hiện vật là 1 đơn vị thì ghi 1, nếu là bộ hiện vật thì ghi các thành phần hợp thành của đơn vị hiện vật.
9. **Miêu tả:** Miêu tả ngắn gọn đặc điểm của hiện vật: hình dáng (từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài), màu sắc, đề tài trang trí, kỹ thuật trang trí, dấu tích đặc biệt (có ảnh kèm theo).
10. **Hiện trạng:** Ghi rõ hiện trạng, nguyên, sứt, phai màu, mọt, đã sửa chữa, phong hóa.
11. **Niên đại:** Ghi niên đại tuyệt đối, tương đối.
12. **Nguồn gốc, xuất xứ:** Địa điểm sưu tầm; hình thức sưu tầm (hiển tặng, mua, khai quật, tặng, cho).
13. **Ghi chú:**
14. **Lý do lựa chọn:** Chứng minh các tiêu chí sau:
 - Hiện vật gốc độc bản;
 - Hiện vật có hình thức độc đáo;
 - Hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu, hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định, hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên./.

....., ngày tháng năm ...

TÊN ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức thì phải đóng dấu, ghi rõ chức vụ người ký)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG
NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm ...

Số:

V/v làm thủ tục đề nghị
công nhận bảo vật quốc gia

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, sau khi nghiên cứu các tiêu chí và quy định đối với hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia,

(Tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia) trân trọng đề nghị (như kính gửi) xem xét trình Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cho ... (số lượng) hiện vật thuộc quyền quản lý, sở hữu của..... (tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia). Danh sách hiện vật cụ thể như sau:

STT	Tên hiện vật	Đặc điểm chính của hiện vật	Ghi chú
1			
2			
...			

(Tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia) cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan/.

Tài liệu kèm theo

- Hồ sơ hiện vật;
- Văn bản thẩm định của Hội đồng khoa học của Bảo tàng (nếu có);

-

-

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
BẢO VẬT QUỐC GIA**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ
người ký)

8. Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành);

+ Hồ sơ hiện vật, gồm:

Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, trong đó phải trình bày rõ đặc điểm của hiện vật theo các tiêu chí quy định tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia);

Ảnh: 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết (ảnh màu, từ cỡ 9cm x 12cm trở lên), chú thích đầy đủ, đảm bảo thể hiện các đặc trưng cơ bản của hiện vật. Khuyến khích gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số;

Bản ghi âm, ghi hình (nếu có) phải có âm thanh, hình ảnh rõ nét thể hiện sự độc đáo của hiện vật (ghi trên băng hoặc đĩa);

Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật;

Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có) gồm: Bài viết về hiện vật; xác nhận của nhân chứng đối với các hiện vật có giá trị lịch sử; giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

- Số lượng hồ sơ:

Gồm 04 bộ: 01 bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân lập hồ sơ; 03 bộ hồ sơ gửi đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị công nhận bảo vật quốc gia theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chính phủ.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản thuyết minh về hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia).

- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia (Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia phải có các tiêu chí sau đây:

- Là hiện vật gốc độc bản;

- Là hiện vật có hình thức độc đáo;

- Là hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu; hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định; hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên.

- Hiện vật phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp giấy chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2010;

- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

- *Thông tư số 13/2023/TTBVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.*

** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH VỀ HIỆN VẬT
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

1. **Tên hiện vật** (tên gọi phổ thông):
2. **Tên khác** (nếu có):
3. **Tên đơn vị và cá nhân lưu giữ hiện vật:**
4. **Số đăng ký:** Do đơn vị, cá nhân đề nghị tự quy định
5. **Chất liệu:** Chất liệu chính
6. **Kích thước (cm):** Ghi rõ 03 kích thước cơ bản: Đường kính miệng, Đường kính đáy, chiều cao; Đối với hiện vật thể khối dẹt: chiều dài, chiều rộng, chiều cao.
7. **Trọng lượng (gram):**
8. **Số lượng:** Nếu hiện vật là 1 đơn vị thì ghi 1, nếu là bộ hiện vật thì ghi các thành phần hợp thành của đơn vị hiện vật.
9. **Miêu tả:** Miêu tả ngắn gọn đặc điểm của hiện vật: hình dáng (từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài), màu sắc, đề tài trang trí, kỹ thuật trang trí, dấu tích đặc biệt (có ảnh kèm theo).
10. **Hiện trạng:** Ghi rõ hiện trạng, nguyên, sứt, phai màu, mọt, đã sửa chữa, phong hóa.
11. **Niên đại:** Ghi niên đại tuyệt đối, tương đối.
12. **Nguồn gốc, xuất xứ:** Địa điểm sưu tầm; hình thức sưu tầm (hiên tặng, mua, khai quật, tặng, cho).
13. **Ghi chú:**
14. **Lý do lựa chọn:** Chứng minh các tiêu chí sau:
 - Hiện vật gốc độc bản;
 - Hiện vật có hình thức độc đáo;
 - Hiện vật có giá trị đặc biệt liên quan đến một sự kiện trọng đại của đất nước hoặc liên quan đến sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu, hoặc là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, nhân văn, giá trị thẩm mỹ tiêu biểu cho một khuynh hướng, một phong cách, một thời đại; hoặc là sản phẩm được phát minh, sáng chế tiêu biểu, có giá trị thực tiễn cao, có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển ở một giai đoạn lịch sử nhất định, hoặc là mẫu vật tự nhiên chứng minh cho các giai đoạn hình thành và phát triển của lịch sử trái đất, lịch sử tự nhiên./.

....., ngày tháng năm ...
TÊN ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức
thì phải đóng dấu, ghi rõ chức vụ người ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH VÀ LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Họ và tên (*viết bằng chữ in hoa*):.....
 - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại:.....
 - Số chứng minh thư/Căn cước công dân: Ngày cấp
- Nơi cấp:.....

- Chức danh trong tổ chức (nếu có):

là chủ sở hữu hiện vật/người đại diện của(*tên tổ chức đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*) đang quản lý hợp pháp hiện vật.

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, sau khi nghiên cứu các tiêu chí và quy định đối với hiện vật được đề nghị công nhận bảo vật quốc gia,

(*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*) trân trọng đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.... thẩm định và làm thủ tục đề nghị các cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét công nhận bảo vật quốc gia cho ... (*số lượng*) hiện vật thuộc quyền sở hữu hợp pháp của (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận bảo vật quốc gia*). Danh sách hiện vật cụ thể như sau:

STT	Tên hiện vật	Đặc điểm chính của hiện vật	Ghi chú
1			
2			

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hiện vật và tính chính xác, trung thực của nội dung Hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia, và cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Tài liệu kèm theo

- Hồ sơ hiện vật;
-
-

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CÔNG
NHẬN BẢO VẬT QUỐC GIA

(*Ký tên, nếu là tổ chức thì phải đóng dấu và ghi rõ họ, tên chức vụ người ký*)

9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;

+ Danh sách kèm theo lý lịch khoa học theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và bản sao văn bằng, chứng chỉ của các chuyên gia;

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia;

+ Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

- Lý lịch khoa học của chuyên gia giám định cổ vật (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có trang thiết bị, phương tiện thực hiện giám định phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký.

- Có ít nhất 03 chuyên gia giám định cổ vật về các chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. Bãi bỏ Điều 6 của Nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

1. Thông tin cá nhân:

- Họ và tên: Năm sinh:; Giới tính:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số.....ngày cấp...../.../.....nơi cấp..
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

2. Học hàm, học vị:

- Học hàm (giáo sư, phó giáo sư):
- Học vị (tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân,):

3. Quá trình công tác:

- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....
- Từ nămđến năm..... (làm việc ở đâu):.....

4. Kinh nghiệm chuyên môn về giám định cổ vật:

- a) Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giám định cổ vật:
- b) Một số công trình/dự án đã thực hiện liên quan đến giám định cổ vật:....

5. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung khai;
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

.....ngày ... tháng năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên,
 chức vụ người ký)

NGƯỜI KHAI

(ký, ghi rõ họ tên)

10. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, trường hợp sau:

- Bị mất hoặc bị hỏng;
- Có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hỏng hoặc có sự thay đổi thông tin;

Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi thông tin.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

**TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên cơ sở kinh doanh giám định cổ vật đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung: Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.

Số Giấy chứng nhận đã cấp:.....

Ngày cấp:.....

Lý do cấp lại:

- Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất);
- Giấy chứng nhận đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);
- Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đã được cấp (nêu rõ những thông tin đề nghị thay đổi).

3. Hồ sơ gửi kèm:

-

-

4. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề giám định cổ vật;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
GIÁM ĐỊNH CỔ VẬT**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

11. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề.

+ Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích;

+ 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

g) Lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (sau đây gọi chung là Chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân khi đáp ứng các điều kiện đối với từng trường hợp cụ thể sau:

- Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích:

+ Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;

+ Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- 1. Họ và tên** (viết bằng chữ in hoa):
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch:
- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số.....
ngày cấp...../...../.....nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú:

2. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo được ghi trong văn bằng, chứng chỉ đã được cấp):

3. Kinh nghiệm chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (ghi theo bản khai kinh nghiệm chuyên môn đã được tổ chức nơi đã làm việc hoặc đang làm việc xác nhận):.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, tôi trân trọng đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.....xem xét, cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 9 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); cam kết hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo đúng nội dung ghi trong Chứng chỉ hành nghề được cấp, thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

12. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, cấp lại trong trường hợp:

- Bổ sung nội dung hành nghề;
- Hết hạn sử dụng;
- Bị mất hoặc bị hỏng.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

(2) Bản chính Chứng chỉ hành nghề đã được cấp đổi với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

(3) 02 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao chứng chỉ, chứng nhận:

- Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề:

- + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng;
- + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng;
- + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng;

- + Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình;
- Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp (đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề):.....

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề.

- Số Chứng chỉ hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Chứng chỉ hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ

(Ký, ghi rõ họ, tên đối với cá nhân)

13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích:

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích.

- Giấy chứng nhận hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích:

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích.

- Giấy chứng nhận hành nghề thi công tu bổ di tích:

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng;

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích.

- Giấy chứng nhận hành nghề tư vấn giám sát thi công tu bổ di tích:
- + Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Có đủ điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn khi giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định pháp luật về xây dựng;
- + Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.
- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. Bãi bỏ Điều 6 Nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Quyết định thành lập (số, ngày, tháng, năm quyết định) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày cấp, nơi cấp):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Chức danh:

- Mã số định danh cá nhân: Số ngày cấp/...../..... nơi cấp.....

Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh, (tên tổ chức) trân trọng đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cho các hoạt động sau: (căn cứ vào quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP để xác định hoạt động đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề).

3. Cam kết: (tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký, đóng dấu)

14. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, trong các trường hợp sau:

- Bổ sung nội dung hành nghề;
- Hết hạn sử dụng;
- Bị mất hoặc bị hỏng.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

+ Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng;

Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao:

- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề:

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích (*Tổ chức cá*

nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở).

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

+ Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao chứng chỉ tại Kho số hóa của Sở*).

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản

ly nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2018. Bãi bỏ Điều 6 Nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

TÊN TỔ CHỨC

(Đối với trường hợp tổ chức
yêu cầu cấp lại Giấy chứng
nhận hành nghề)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH**

Kính gửi: Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

2. Nội dung:

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề.

- Số Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp:

- Ngày, tháng, năm cấp:

- Lý do cấp lại:

+ Bổ sung nội dung hành nghề (nêu rõ những thông tin đề nghị bổ sung nội dung hành nghề).

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị hỏng (nêu rõ lý do bị hỏng);

+ Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp bị mất (nêu rõ lý do bị mất).

3. Cam kết: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề (gửi kèm hồ sơ); thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN HÀNH NGHỀ**

(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ người ký,
đóng dấu đối với tổ chức)

II. LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

15. Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ nếu đủ điều kiện tham mưu văn bản phân loại phim; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ra giấy phép. Trường hợp từ chối, phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, Chủ tịch UBND thành phố có Giấy phép phân loại phim và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, Chủ tịch UBND TP có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn; tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở VH TT hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Trường hợp phim phải điều chỉnh nội dung hoặc hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Điện ảnh 2022, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản phim đã điều chỉnh nội dung, 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã sửa đổi, bổ sung đầy đủ thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép.

- Trường hợp thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đề nghị cấp lại Giấy phép phân loại phim theo quy định tại Điều 27 của Luật Điện ảnh 2022.

- Trường hợp thay đổi tên phim mà không thay đổi nội dung phim đã được cấp Giấy phép phân loại phim, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy phép phân loại phim.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim

+ Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu phim hoặc quyền sử dụng phim hợp pháp;

+ Bản phim hoàn chỉnh;

+ Bản thuyết minh phim bằng tiếng Việt đối với phim nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Tại Sở VH TT: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại UBND: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình và hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép

g) Phí, lệ phí: Chưa quy định

h) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong hoạt động điện ảnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

TÊN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHÂN LOẠI PHIM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tổ chức/cá nhân đề nghị:

Số chứng nhận đăng kí doanh nghiệp/Quyết định thành lập (đối với tổ chức):

Số căn cước công dân (đối với cá nhân) :

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Tên phim đề nghị cấp Giấy phép:

Tên phim tiếng Việt ⁽²⁾:

Tên phim Tiếng Anh (nếu có):

Tên phim gốc (nếu có):

Loại hình phim (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình, loại hình khác):.....

Tổ chức/cá nhân sản xuất:

Tổ chức/cá nhân phát hành:

Chủ sở hữu phim:

Tổ chức/cá nhân có quyền phát hành tại Việt Nam ⁽³⁾:

Thời hạn có quyền phát hành tại Việt Nam ⁽⁴⁾:.....

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Chất liệu phim:

Thời lượng (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng):Ngôn ngữ:

Tóm tắt nội dung ⁽⁵⁾:

Hình thức phổ biến⁽⁶⁾:

Rạp

Truyền hình

Địa điểm công cộng Không gian mạng

Hình thức khác :.....

..... (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép phân loại phim;
2. Chấp hành quy định của Luật Điện ảnh và quy định pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) ⁽⁷⁾

(1) Cá nhân không điền mục này.

(2), (3), (4) Đối với phim nhập khẩu.

(5) Không quá 120-150 từ.

(6) Có thể lựa chọn một hoặc nhiều hình thức.

(7) Tổ chức: Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên; Cá nhân: Ký, ghi rõ họ tên.

III. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM

16. Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức cuộc thi nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đề án tổ chức, thể lệ cuộc thi;

+ Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải kèm theo văn bản thoả thuận giữa các bên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật tại Việt Nam phải phối hợp với cơ quan, tổ chức có chức năng hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

17. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân dưới đây hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức;

- Đưa tác phẩm mỹ thuật Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật);

+ Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác;

+ Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10x15 cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch;

+ Đối với triển lãm ngoài trời được tổ chức tại Việt Nam phải có văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ;

+ Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, ngoài đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật) và hồ sơ quy định tại thành phần hồ sơ (2) và (3) nêu trên phải kèm

theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC:

- Giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam hoặc văn bản trả lời.

- Giấy phép đưa triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc văn bản trả lời.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật) đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Địa điểm tổ chức triển lãm phải có diện tích, trang thiết bị đáp ứng với quy mô của triển lãm; đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
 TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:

Tên cá nhân, tổ chức đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam:

- Tiêu đề của triển lãm:

- Địa điểm trưng bày:

- Thời gian trưng bày từ đến:

- Số lượng tác phẩm:

- Số lượng tác giả:

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam./.

....., ngày.....tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
 LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
 ĐƯA TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên cá nhân/ tổ chức đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Đề nghị được cấp giấy phép cho triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài

Tiêu đề triển lãm:.....

Địa điểm trưng bày:.....

Quốc gia:.....

Thời gian trưng bày từ:.....đến.....

Số lượng tác phẩm:.....

Số lượng tác giả:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm mỹ thuật và các quy định liên quan khi tổ chức triển lãm và pháp luật của nước sở tại.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài./.

....., ngày.....tháng.....năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

18. Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ nhằm mục đích kinh doanh hoặc đặt ở nơi công cộng hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật);

(2) Ảnh màu kích thước 18x24 cm chụp bản mẫu và bản sao;

(3) Bản sao chứng thực hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu thành Hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SAO CHÉP TRANH, TƯỢNG DANH NHÂN VĂN HÓA,
ANH HÙNG DÂN TỘC, LÃNH TỤ**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên cá nhân/tổ chức đề nghị

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị được cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ:

Tên tác phẩm (bản mẫu).....

Tên tác giả (bản mẫu):.....

Khuôn khổ bản sao chép:.....

Chất liệu bản sao chép:

Số lượng bản sao chép:

Tên cá nhân/tổ chức sao chép:.....

Địa chỉ cá nhân/tổ chức sao chép:

Mục đích sử dụng:.....

Địa điểm sử dụng:.....

Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về sao chép tác phẩm mỹ thuật và các quy định liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ./

....., ngày..... tháng..... năm ...

**CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, nếu là tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, nếu là cá nhân)

19. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình gửi UBND thành phố để xem xét, quyết định, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có Quyết định cấp phép và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật);

+ Quyết định chọn mẫu phác thảo bước hai của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp bốn mặt cỡ ảnh 18x24 cm có kèm chú thích;

+ Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

+ Tại Sở VH TT: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại UBND thành phố: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

- Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng hoặc văn bản trả lời.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TƯỢNG ĐÀI, TRANH HOÀNH TRÁNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Chủ đầu tư:.....
- + Người đại diện:.....Chức vụ:.....
- + Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
- Đề nghị cấp giấy phép xây dựng
- Công trình:.....
- Đề tài, nội dung:.....
- Khối lượng:.....
- Tượng: (kích thước).....Chất liệu:.....
- Phù điêu: (kích thước).....Chất liệu:.....
- Tranh hoành tráng: (kích thước).....Chất liệu:.....
- Nguồn vốn:.....
- Dự toán kinh phí được thẩm định theo văn bản số:.....
- Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành công trình:.....
- Địa điểm xây dựng:
- Diện tích mặt bằng:
- Hướng chính của tượng đài:.....
- Tác giả:.....
- + Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
- Mẫu phác thảo được Hội đồng Nghệ thuật duyệt chọn theo văn bản số:.....
- Đơn vị thể hiện phân mỹ thuật:

Lời cam kết:

- Xin cam đoan thực hiện đúng giấy phép được cấp, nếu sai phạm xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

- Xin gửi kèm theo: Bản sao công chứng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

20. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình gửi UBND thành phố để xem xét, quyết định, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có Quyết định cấp phép và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật);

+ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Thẻ lệ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

+ Tại Sở VH TT: 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại UBND thành phố: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc hoặc văn bản trả lời.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ quan, tổ chức Việt Nam đề nghị cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có chức năng hoạt động văn hóa nghệ thuật;
- Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điêu khắc.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
 TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC ĐIỀU KHẮC**

Kính gửi:

- Tên cơ quan, tổ chức đề nghị:.....

- Người đại diện:.....Chức vụ:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Đề nghị được cấp giấy phép tổ chức Trại sáng tác điều khắc (tên trại sáng tác điều khắc).....

- Chủ đề:.....

- Số lượng tác giả:

+ Quốc tịch Việt Nam:.....

+ Quốc tịch nước ngoài:.....

- Số lượng tác phẩm:.....

- Chất liệu:.....Kích thước tác phẩm:.....

- Nguồn vốn:

- Thời gian từ:đến.....

- Địa điểm tổ chức trại sáng tác:.....

- Chủ sở hữu tác phẩm:.....

Lời cam kết:

Xin cam đoan thực hiện đúng nội dung giấy phép được cấp; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm và chịu xử lý theo quy định của pháp luật./.

...., ngày ... tháng ... năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
 CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

21. Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam trong các trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện trình lãnh đạo Sở ký Giấy phép, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh phải làm lại thủ tục xin cấp phép.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016);

+ Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng);

+ Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13x18cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử);

+ Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm;

+ Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm tham gia triển lãm phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm đã được cấp phép; có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm tổ chức triển lãm phù hợp tính chất, quy mô triển lãm.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền cấp, thu hồi giấy phép các hoạt động triển lãm nhiếp ảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.

- Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nhiếp ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP TRIỂN LÃM
TÁC PHẨM NHIẾP ẢNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép triển lãm (viết chữ in hoa):

-
- Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Giấy Chứng minh thư nhân dân/ Thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam): Số..... ngày cấp..... nơi cấp
 - Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài và người nước ngoài): Số.....ngày cấp ... nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam:

- Tên triển lãm:
- Chủ đề, nội dung triển lãm:
- Quy mô triển lãm:
- Thời gian triển lãm: Từ ngày....tháng....năm.....đến ngày....tháng....năm...
- Địa điểm triển lãm:

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về bản quyền tác phẩm nhiếp ảnh, quyền cá nhân đối với hình ảnh quy định tại Bộ luật Dân sự, tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam.

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động nhiếp ảnh và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, ghi rõ họ tên có đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

22. Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm không thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện trình lãnh đạo Sở cấp phép, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Sau khi được cấp phép nếu thay đổi nội dung, thời gian, địa điểm ghi trong giấy phép thì tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải làm lại thủ tục xin cấp phép.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

+ Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng);

+ Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13x18cm hoặc ghi vào đĩa CD (đối với trường hợp nộp trực tiếp/nộp qua bưu chính), ảnh định dạng JPG hoặc PDF (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử);

+ Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt.

+ Đối với tác phẩm nhiếp ảnh khóa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

e) Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

f) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép.

i) Phí, lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm tham gia triển lãm có nguồn gốc, xuất xứ và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Tổ chức, cá nhân đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm phải thực hiện đúng trách nhiệm quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền cấp, thu hồi giấy phép các hoạt động triển lãm nhiếp ảnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- *Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 12 tháng 12 năm 2023.*

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐƯA TÁC PHẨM NHIẾP ẢNH
TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (viết chữ in hoa):.....
.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Giấy Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam): Số..... ngày cấp nơi cấp.....
- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài và người nước ngoài): Số.....ngày cấp ... nơi cấp.....
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:
- Tên triển lãm:
- Chủ đề, nội dung triển lãm:
- Quy mô triển lãm:
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức nước ngoài tổ chức triển lãm:
-
- Địa điểm tổ chức triển lãm:.....Quốc gia:.....
- Thời gian triển lãm: Từ ngày... tháng... năm.....đến ngày... tháng... năm.....
3. Cam kết:
- Chịu trách nhiệm về bản quyền tác phẩm nhiếp ảnh, quyền cá nhân đối với hình ảnh quy định tại Bộ luật Dân sự, tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm.
- Thực hiện đúng các quy định tại 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, ghi rõ họ tên có đóng dấu (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

23. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3:

Phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

Nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

+ Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo, hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm;

+ Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức):

Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính công ích); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có văn bản trả lời.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng .

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép tổ chức triển lãm.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

+ Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

+ Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

+ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

+ Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

24. Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân nước ngoài hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Sau khi kiểm tra hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

Nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

+ Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm;

+ Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính công ích); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến);

+ Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có văn bản trả lời.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép tổ chức triển lãm.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

+ Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

+ Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

+ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

+ Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý (đối với tổ chức):

Số..... ngày ký..... người ký.....

- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài):

Số..... ngày cấp nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: ... (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: ... (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP⁽²⁾

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

25. Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân tại địa phương hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3:

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

Nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép đã được cấp;

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có văn bản trả lời.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép tổ chức triển lãm.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

+ Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

+ Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

+ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

+ Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (viết chữ in hoa):
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:
 - Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý/ Giấy phép Kinh Doanh (đối với tổ chức): Số..... ngày ký..... người ký.....
 - Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):
Số..... ngày cấp..... nơi cấp
 - Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài): Số..... ngày cấp nơi cấp.....
2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm
 - Tên triển lãm:
 - Mục đích của triển lãm.....
 - Quy mô triển lãm:
 - Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm
 - Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):.....
 - Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: (có Danh sách kèm theo)
 - Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)
3. Cam kết:
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;
 - Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;
 - Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

26. Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân nước ngoài có nhu cầu cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm tại địa phương không vì mục đích thương mại hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3:

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

Nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép đã được cấp;

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

+ Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);

+ Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.

+ Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm.

+ Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến) .

+ Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có văn bản trả lời.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép tổ chức triển lãm.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

+ Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

+ Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

+ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

+ Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái;

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày... tháng... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm⁽²⁾ (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng minh tư cách pháp lý/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức):Số..... ngày ký..... người ký...

- Căn cước công dân (đối với cá nhân Việt Nam):

Số..... ngày cấp..... nơi cấp

- Hộ chiếu (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài): Số..... ngày cấp

2. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép triển lãm

- Tên triển lãm:

- Mục đích của triển lãm⁽³⁾:

- Quy mô triển lãm:

- Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... nămđến ngày ... tháng ... năm

- Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):

- Số lượng tác phẩm, tài liệu, hiện vật: (có Danh sách kèm theo)

- Số lượng tác giả: (có Danh sách kèm theo)

3. Cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép triển lãm;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

27. Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân ở địa phương tổ chức triển lãm tại địa phương gửi thông báo tổ chức triển lãm hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Thông báo tổ chức triển lãm (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;

Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông báo;

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC:

- Nếu không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức triển lãm theo nội dung đã thông báo;

- Nếu không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không có một trong các nội dung:

+ Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc;

+ Tiết lộ bí mật của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà không được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

+ Kích động chiến tranh, gây thù hận giữa các dân tộc và nhân dân các nước; gây chia rẽ tôn giáo, mất đoàn kết dân tộc; truyền bá tư tưởng phản động;

+ Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa; vu khống, xâm hại uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

+ Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự, tuyên truyền bạo lực, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội gây hại cho sức khỏe, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm không thuộc trường hợp bị đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu.

- Tác phẩm, hiện vật, tài liệu được triển lãm phải phù hợp với chủ đề, nội dung của triển lãm; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp.

- Địa điểm triển lãm phải phù hợp với quy mô triển lãm, đảm bảo các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm ...

THÔNG BÁO TỔ CHỨC TRIỂN LÃM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức/cá nhân tổ chức triển lãm ⁽¹⁾(viết chữ in hoa):
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân (đối với cá nhân)/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức): số..... ngày cấp..... nơi cấp.....
2. Nội dung triển lãm
 - Tên triển lãm:
 - Mục đích của triển lãm :
 - Quy mô triển lãm:
 - Thời gian triển lãm: từ ngày ... tháng ... nămđến ngày ... tháng ... năm
 - Địa điểm triển lãm (ghi rõ tên địa điểm, địa chỉ):
 - Phương án đảm bảo trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ:(có văn bản kèm theo)
 - Số lượng tác phẩm, hiện vật, tài liệu triển lãm: ... (có Danh sách kèm theo ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và các thông tin chi tiết: tên tác phẩm, hiện vật, tài liệu; chất liệu; kích thước; các chú thích kèm theo; tên tác giả; tên chủ sở hữu)
3. Cam kết:
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo;
 - Tuân thủ quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; chịu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong hoạt động triển lãm;
 - Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm và các quy định khác có liên quan khi tổ chức triển lãm./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI THÔNG BÁO*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)**Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)*

IV. LĨNH VỰC QUẢNG CÁO

28. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, phướn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện quảng cáo hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn, phướn;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo;

+ Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội (*Tổ chức cá nhân không cần nộp bản sao văn bản của sự kiện do Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp, mà Sở sẽ sử dụng bản sao văn bản số hóa của sự kiện tại Kho số hóa của Sở*);

+ Makét sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức;

+ Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn;

+ Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo;

+ Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của

Luật Quảng cáo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

g) Phí: Thu theo Nghị quyết số 151/2018/NQ-HĐND của Hội đồng UBND thành phố ngày 12/7/2018.

1. Trên bảng quảng cáo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu phí
	Sử dụng để đặt bảng, biển, pano và các hình thức tương tự khác		
1	Trên lề đường, vỉa hè		
	Mức 1	đồng/m ² /năm	130.000
	Mức 2	đồng/m ² /năm	90.000
	Mức 3	đồng/m ² /năm	50.000
	Mức 4	đồng/m ² /năm	35.000
	Mức 5	đồng/m ² /năm	20.000
	Mức 6	đồng/m ² /năm	15.000
	Mức 7	đồng/m ² /năm	10.000
2	Nơi giao nhau		
	Mức 1	đồng/m ² /năm	260.000
	Mức 2	đồng/m ² /năm	170.000
	Mức 3	đồng/m ² /năm	100.000
	Mức 4	đồng/m ² /năm	70.000
	Mức 5	đồng/m ² /năm	40.000
	Mức 6	đồng/m ² /năm	30.000
	Mức 7	đồng/m ² /năm	20.000
3	Trên dải phân cách		
	Từ Mức 1 đến Mức 3	đồng/m ² /năm	400.000
	Từ Mức 4 đến Mức 7	đồng/m ² /năm	200.000
4	Vị trí đặc biệt		

Nhà ga, sân bay, bến tàu, bến xe, bến cảng, ven bờ sông Hàn (trừ mặt hướn về phía đường Trần Hưng Đạo)	đồng/m ² /năm	400.000
Các vị trí ven sông Cẩm Lệ	đồng/m ² /năm	100.000
Các vị trí khu vực Nam hầm Hải Vân	đồng/m ² /năm	100.000
Các vị trí nằm dọc quốc lộ 1A (đoạn từ Cầu vượt Hòa Cẩm đến hết địa phận Đà Nẵng)	đồng/m ² /năm	100.000

2. Trên Băng rôn, phướn

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu phí
Sử dụng để đặt băng rôn, phướn và các hình thức tương tự			
1	Trên vỉa hè		
	Mức 1	đồng/cái/lần	200.000
	Mức 2	đồng/cái/lần	140.000
	Mức 3	đồng/cái/lần	80.000
	Mức 4	đồng/cái/lần	60.000
	Mức 5	đồng/cái/lần	50.000
	Mức 6	đồng/cái/lần	30.000
	Mức 7	đồng/cái/lần	25.000
2	Trên vỉa hè nơi giao nhau	đồng/cái/lần	300.000
3	Trên dải phân cách		
	Từ Mức 1 đến Mức 3	đồng/cái/lần	400.000
	Từ Mức 4 đến Mức 7	đồng/cái/lần	200.000

Đối với kiệt, hẻm: Khoảng cách từ biên quảng cáo đến đường phố chính (tính từ tường trước của nhà mặt tiền) trên 25 mét tính giảm 20% so với quảng cáo ở vỉa hè đường phố chính.

Nơi giao nhau: Được tính từ đường dành cho người đi bộ cắt ngang của tuyến đường này đến đường dành cho người đi bộ cắt ngang của tuyến đường khác nằm trong khu vực của các tuyến đường giao nhau.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (Mẫu số 01 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.*

- Nghị Quyết 151/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định quản lý hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Công văn số 450/QLVH-SVHTT ngày 02/3/2023 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND.

** Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO
TRÊN BẢNG QUẢNG CÁO, BĂNG-RÔN, PHUỐN

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên người thực hiện:
- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....
- Ngày tháng năm sinh:.....
- Địa chỉ:.....
- GPKD số do..... cấp (nếu là doanh nghiệp)
- Số điện thoại:
2. Nội dung trên bảng quảng cáo, băng-rôn:.....
-
3. Địa điểm thực hiện:.....
4. Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm.....đến ngàytháng... năm...
5. Số lượng:.....
6. Phương án tháo dỡ (nếu có):
7. Tôi (chúng tôi) xin cam kết làm theo nội dung thông báo nêu trên và tháo dỡ đúng thời hạn ghi trong thông báo. Nếu có sai phạm, tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

.....,ngày..... tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

29. Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chậm nhất là 15 ngày trước ngày tổ chức đoàn người quảng cáo hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo đoàn người thực hiện quảng cáo (đính kèm);

+ Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo;

+ Ma-két sản phẩm quảng cáo in mẫu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đính kèm

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐOÀN NGƯỜI THỰC HIỆN QUẢNG

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên người thực hiện:
- GPKD số do.....cấp (nếu là doanh nghiệp)
- Căn cước công dân:Ngày cấp: Nơi cấp:
..... (nếu là cá nhân)
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
2. Nội dung đoàn người thực hiện quảng cáo:.....
.....
3. Tuyến đường thực hiện:.....
.....
4. Thời gian thực hiện: từ ngày tháng năm....., ngàytháng... năm...
5. Số lượng:.....Kích thước:.....Phương tiện:.....
6. Phương án tháo dỡ (nếu có):
7. Tôi (chúng tôi) xin cam kết làm theo nội dung trong thông báo. Nếu có sai phạm, tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
.....,ngày..... tháng.....năm.....

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

* Lưu ý: Trong tháng 01 giấy phép xin được tối đa 02 ngày; thời gian sáng 8h30-10h30, chiều 14h30-16h30.

30. Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở VH TT trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cấp Giấy phép gửi về Sở VH TT để trả kết quả và gửi bản sao Giấy phép đó đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở VH TT gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 02 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành);

+ Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận;

+ Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài trong năm tài chính gần nhất;

+ Các giấy tờ quy định tại Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại Sở Văn hóa và Thể thao: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại UBND thành phố: 05 làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm theo hồ sơ của Sở VH TT.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: *Giấy phép (Mẫu số 03 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).*

g) Phí, lệ phí: 3.000.000 đồng/Giấy phép.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 02 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.*

* Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là công dân Việt Nam)

- Họ và tên:.....

- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

- Ngày tháng năm sinh:.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là người nước ngoài)

- Họ và tên:.....

- Giới tính:.....

- Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu:.....

- Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan. Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

....., ngày tháng năm ..

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

31. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp dưới đây:

- Thay đổi tên gọi;
- Thay đổi phạm vi hoạt động;
- Thay đổi người đứng đầu;
- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao lập Tờ trình gửi UBND thành phố; Trong thời hạn 05 ngày, nếu thống nhất UBND thành phố cấp Giấy phép và gửi về Sở VH TT để trả kết quả cho Doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở VH TT gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (*Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành*);

+ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có chứng thực (*sử dụng kết quả Kho số hóa*).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: *Giấy phép (Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).*

g) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/Giấy phép.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL, và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

* Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP
QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: UBND tỉnh/thành phố

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm....tại.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là công dân Việt Nam)

- Họ và tên:.....

- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

- Ngày tháng năm sinh:.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là người nước ngoài)

- Họ và tên:.....

- Giới tính:.....

- Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu:.....

- Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp .

..., ngày tháng năm ..

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

32. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong các trường hợp dưới đây nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng đại diện:

- Thay đổi tên gọi hoặc nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài sang nước khác;
- Thay đổi hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;
- Giấy phép bị mất, rách.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở VH TT lập Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp thành phố; Trong thời hạn 05 ngày, nếu thống nhất UBND thành phố cấp Giấy phép và gửi về Sở VH TT để trả kết quả cho Doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở VH TT gửi văn bản yêu cầu doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (*Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành*);

(2) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Trường hợp Giấy phép bị mất phải có giấy xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất Giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: *Giấy phép (Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành)*

g) Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/Giấy phép.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.*

* *Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh):.....

Giấy phép thành lập/dăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm....tại.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là công dân Việt Nam)

- Họ và tên:.....

- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

- Ngày tháng năm sinh:.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu người đứng đầu là người nước ngoài)

- Họ và tên:.....

- Giới tính:.....

- Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu:.....

- Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:

.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện..

Tài liệu gửi kèm bao gồm: Các giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

...., ngày tháng năm ..

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

V. LĨNH VỰC VŨ TRƯỜNG

33. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện theo quy định và trình lãnh đạo Sở ký Giấy phép (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép.

g) Phí, lệ phí:

- Tại các thành phố trực thuộc Trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy;

h) Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

- Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80m² trở lên, không kể công trình phụ;

- Không được đặt chốt cửa bên trong phòng vũ trường hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ);

- Địa điểm kinh doanh phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa từ 200m trở lên.

* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường phải phải tuân theo các quy định sau đây:

- Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.

- Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

* Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ vũ trường phải phải tuân theo các quy định sau đây:

Ngoài trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ vũ trường có trách nhiệm:

- Không được hoạt động từ 02 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

- Không cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi.

- Trường hợp có chương trình biểu diễn nghệ thuật phải thực hiện theo quy định của pháp luật về biểu diễn nghệ thuật.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành

từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 Nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.

**TÊN DOANH NGHIỆP,
HỘ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ dịch vụ vũ trường tại địa chỉ:

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có):

Điện thoại: Fax:

STT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)

Tài liệu kèm theo:

..... (3)

(Tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh)..... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

34. Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường trong các trường hợp dưới đây:

- + Thay đổi về số lượng phòng;
- + Thay đổi về chủ sở hữu.

Hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế các nội dung thay đổi và cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được điều chỉnh (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019). Trường hợp không cấp Giấy phép điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019);

+ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng .

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép điều chỉnh.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 nghị định này kể từ ngày 01/02/2021.

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KINH DOANH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
số:/... , ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh:

Người đại diện theo pháp luật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Mã số:

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường số do cấp ngày ... tháng ... năm

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ) số do cấp ngày ... tháng ... năm ... (nếu có);

... (1) ... đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có)

Thông tin điều chỉnh

..... (3)

(Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh)..... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

VI. LĨNH VỰC XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUỐC TẾ

35. Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành)

+ Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản phê duyệt.

g) Phí, lệ phí:

1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh:

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng

2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:

- Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định;

- Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định.

- Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2013 sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2018.

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

** Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên thương nhân
 - Tên thương nhân là tổ chức (ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt):.....
 - Họ và tên thương nhân là cá nhân :.....
 - + Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....
 - + Ngày tháng năm sinh:.....
2. Điện thoại:..... Fax.....
- Email:.....
- Địa chỉ
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL).....
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh; Đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định và phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh đề nghị nhập khẩu dưới đây:
 - Tên tác phẩm:
 - Chất liệu, kích thước tác phẩm:
 - Nội dung tác phẩm:
6. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định về nhập khẩu tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
 - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh;
 - Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

36. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức nhập khẩu văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;
- Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;
- Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương;
- Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép;
- Phim để phát hành, phổ biến theo quy định của pháp luật do Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương nhập khẩu.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành Giấy phép nhập khẩu. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị cấp giấy phép của cá nhân, tổ chức, trong đó ghi rõ loại văn hóa phẩm, nội dung, số lượng, xuất xứ, mục đích sử dụng và phạm vi sử dụng (mẫu đơn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành thống nhất trong cả nước);
 - + Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt bằng tiếng Việt nội dung phim và văn bản cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim

nhập khẩu không vi phạm quy định của pháp luật; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật;

+ Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có)

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép nhập khẩu.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (Mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với văn hóa phẩm nhập khẩu là phim: Tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản phim đã nhập khẩu và tờ khai hải quan (nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nộp bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) trong vòng 30 ngày kể từ khi có giấy phép nhập khẩu để giám định.

- Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu có biên bản giám định và bàn giao phim căn cứ trên hồ sơ và tóm tắt nội dung phim.

- Cá nhân nhập khẩu phim chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân cam kết không vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh và sử dụng phim đúng với quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Số căn cước công dân:.....Năm sinh:.....

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn
hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hóa phẩm:.....

.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin cam
kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hoá
phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép
(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên,
ghi chức vụ và đóng dấu)

37. Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đề xuất khẩu nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị giám định văn hóa phẩm hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (Mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

+ Văn hóa phẩm đề nghị giám định (bản gốc).

+ Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng .

f) Kết quả thực hiện TTHC: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu.

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (Mẫu đơn số 04 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

- *Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.*

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

- Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2018.

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIÁM ĐỊNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giám định

.....

Địa chỉ:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....

Số căn cước công dân:.....Năm sinh:.....

Điện thoại:

Đề nghị *(tên cơ quan giám định)* giám định
văn hoá phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hoá phẩm:

Số lượng:.....

Nội dung văn hoá phẩm:.....

.....

Gửi từ:

Đến:.....

Mục đích sử dụng:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất
khẩu văn hóa phẩm./.

Người đề nghị giám định
*(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên,
ghi chức vụ và đóng dấu)*

38. Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Thương nhân đề nghị nhập khẩu hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ, nếu hồ sơ hợp lệ thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu chỉ được phép thông quan và đưa vào kinh doanh, sử dụng, phân phối sau khi đã được Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng kiểm tra hoặc thẩm định, phê duyệt nội dung và dán tem, nhãn kiểm soát, lưu hành đối với hàng hóa đủ điều kiện phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm (Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có);

+ Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

g) Phí, lệ phí:

Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau:

1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau:

- Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa:

+ Đối với bản ghi âm: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

+ Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

- Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

+ Đối với bản ghi âm:

Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình;

Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 7.000.000 đồng/chương trình.

+ Đối với bản ghi hình:

Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình;

Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000 đồng/chương trình.

2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu (Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số

28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn
có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên thương nhân (*ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt*):.....
- Điện thoại:..... Fax.....
- Email:
2. Địa chỉ:.....
3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (*Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh...*) số.....
4. Hồ sơ kèm theo (*liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này*)
5. Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và căn cứ quy định của pháp luật về nhập khẩu sản phẩm có nội dung văn hóa;
- Đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn nhập khẩu dưới đây:
 - Tên hàng hóa:.....
 - Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....
 - Mô tả nội dung, đặc điểm, tính năng, chủng loại, cách thức sử dụng/vận hành của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác theo yêu cầu tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này:
 - Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....
 - Tại cửa khẩu:.....
 - Mục đích - địa điểm nhập khẩu/lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:
 - Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về các điều kiện nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa;
 - Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)**(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

39. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi có văn bản chấp thuận cho Thương nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa và danh mục hàng hóa được nhập khẩu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng ra văn bản đồng ý kiểm tra hàng hóa. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hàng nhận về kho để bảo quản, Thương nhân liên hệ với Sở Văn hóa và Thể thao để được kiểm tra hoặc thẩm định, phê duyệt nội dung và dán tem, nhãn kiểm soát, lưu hành đối với hàng hóa đủ điều kiện phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, Sở Văn hóa và Thể thao ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra cho Thương nhân

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa và danh mục hàng hóa nhập khẩu của thương nhân (Mẫu 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014), ban hành kèm theo;

+ Văn bản chấp thuận cho Thương nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa và danh mục hàng hóa được nhập khẩu.

+ Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm hàng hóa đề nghị nhập khẩu (kèm theo văn bản dịch ra tiếng Việt);

+ Bàn mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian giải quyết: 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân thuộc địa phương.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản.

h) Phí thẩm định nội dung: Thực hiện theo Điều 4 Thông tư 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính

- Đối với máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng:

+ Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định;

+ Đối với 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định;

- Đối với thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc: 500.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu và danh mục máy trò chơi điện tử có cài đặt chương trình trả thưởng dành cho người nước ngoài và thiết bị chuyên dùng cho trò chơi ở sòng bạc nhập khẩu.

k) Điều kiện, yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

- Máy, thiết bị nhập khẩu mới 100%, có nội dung, hình ảnh, âm thanh, hình thức bảo đảm chất lượng, phù hợp với thẩm mỹ của người Việt Nam và không vi phạm các điều kiện quy định về nội dung cấm phổ biến, lưu hành tại Việt Nam;

- Có địa điểm lắp đặt, kinh doanh máy, thiết bị nhập khẩu đúng với nội dung đăng ký kinh doanh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch còn hiệu lực theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhập khẩu;

- Tuân thủ các điều kiện khác theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bạc.

l) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa
và danh mục hàng hóa nhập khẩu của Thương nhân**

Kính gửi: Sở Văn hóa Và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

1. Tên thương nhân (ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt):..... ..

- Điện thoại:..... Fax.....Email:

2. Địa chỉ:.....**3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân:** (Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bạc).**4. Hồ sơ kèm theo** (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).....

1. Tên hàng hóa:.....

2. Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....

3. Mô tả tên, chủng loại, hãng/nhà sản xuất, cung cấp của máy, thiết bị, linh kiện nhập khẩu và loại hình trò chơi điện tử có thưởng; số lượng, trị giá của từng mặt hàng theo Danh mục sau:

STT	Hãng sản xuất/ cung cấp	Chủng loại	Số lượng	Loại hình trò chơi	Trị giá	Thông tin khác (nếu có)
1						
2						
3						
Tổng số						

- Nêu rõ thời hạn kinh doanh và tổng số máy được phép kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài của doanh nghiệp; địa điểm lắp đặt máy, thiết bị nhập khẩu; địa chỉ kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin khác có liên quan khác theo yêu cầu tại khoản 5, 7 Điều 10 Thông tư này.

4. Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....

5. Tại cửa khẩu:

6. Mục đích:.....

- địa điểm /lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:.....

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa và các điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bài của doanh nghiệp;

- Bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, nhà sản xuất theo quy định đối với máy, thiết bị nhập khẩu; về chủng loại, số lượng được phép nhập khẩu và kinh doanh;

- Bảo đảm máy, thiết bị mới 100%, chất lượng về âm thanh, hình ảnh, hình thức phù hợp với thẩm mỹ của người Việt Nam;

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

40. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu danh mục đối với đồ chơi trẻ em, máy móc thiết bị trò chơi điện tử

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng ra văn bản đồng ý kiểm tra hàng hóa. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hàng nhận về kho để bảo quản, Doanh nghiệp liên hệ với Sở Văn hóa và Thể thao để được kiểm tra hoặc thẩm định, phê duyệt nội dung lưu hành đối với hàng hóa đủ điều kiện phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, Sở Văn hóa và Thể thao ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra cho Doanh nghiệp.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị nhập khẩu;

+ Văn bản chấp thuận cho Doanh nghiệp đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa và danh mục hàng hóa được nhập khẩu;

+ Hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp của sản phẩm hàng hóa đề nghị nhập khẩu (kèm theo văn bản dịch ra tiếng Việt);

+ Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian giải quyết: 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp thuộc địa phương.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản.

g) Phí thẩm định nội dung : Thực hiện theo Điều 4 Thông tư 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Đối với đồ chơi trẻ em: 650.000 đồng/lần thẩm định

- Đối với máy móc thiết bị:

+ Đối với 1 máy/lần thẩm định: 300.000 đồng/lần thẩm định;

+ Đối với 2 máy trở lên/lần thẩm định: 500.000 đồng/lần thẩm định;

h) Tên mẫu đơn tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận danh mục đối với đồ chơi trẻ em nhập khẩu.

i) Điều kiện, yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

- Phải đảm bảo mới 100%; chưa qua sử dụng.

- Đảm bảo chất lượng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn đồ chơi trẻ em theo quy định tại Thông tư số 18/2009/TT-BKHCN ngày 26/6/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em - QCVN 3:2009/BKHCN.

- Có nội dung, hình thức, kiểu dáng, tính năng sử dụng không có hại đến giáo dục, phát triển nhân cách, không gây nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, không vi phạm các quy định tại Điều 6 của Thông tư 28/2014.

k) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính

- Nghị định 167/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế.

- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu

- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TÊN THƯƠNG NHÃN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu đối với đồ chơi trẻ em**

Kính gửi: Sở Văn hóa Và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên Doanh nghiệp: *(ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt)*:

Giấy phép kinh doanh số : do cấp ngày

- Điện thoại:..... Fax.....Email:

3. Địa chỉ:.....

4. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân: *(Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bạc).*

5. Hồ sơ kèm theo: Văn bản đảm bảo chất lượng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn đồ chơi trẻ em theo quy định tại Thông tư số 18/2009/TT-BKHCN ngày 26/6/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em - QCVN 3:2009/BKHCN.

1. Tên hàng hóa:.....

2. Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....

3. Mô tả tên, chủng loại, hãng/nhà sản xuất, cung cấp của máy, thiết bị, linh kiện nhập khẩu và loại hình trò chơi điện tử có thưởng; số lượng, trị giá của từng mặt hàng theo Danh mục sau:

STT	Hãng sản xuất/ cung cấp	Chủng loại	Số lượng	Loại hình trò chơi	Trị giá	Thông tin khác (nếu có)
1						
2						
3						
Tổng số						

- Nêu rõ thời hạn kinh doanh và tổng số máy được phép kinh doanh đối với đồ chơi trẻ em của doanh nghiệp; địa điểm; địa chỉ kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin khác có liên quan.

4. Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....

5. Tại cửa khẩu:

6. Mục đích:.....

- địa điểm /lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:.....

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa và các điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bài của doanh nghiệp.

- Phải đảm bảo mới 100%; chưa qua sử dụng.

- Đảm bảo chất lượng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn đồ chơi trẻ em theo quy định tại Thông tư số 18/2009/TT-BKHCN ngày 26/6/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em - QCVN 3:2009/BKHCN.

- Có nội dung, hình thức, kiểu dáng, tính năng sử dụng không có hại đến giáo dục, phát triển nhân cách, không gây nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, không vi phạm các quy định tại Điều 6 của Thông tư 28/2014.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu máy móc thiết bị trò chơi điện tử**

Kính gửi: Sở Văn hóa Và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên thương nhân (ghi rõ tên đầy đủ và tên viết tắt):.....

- Điện thoại:..... Fax.....Email:

2. Địa chỉ:.....**3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân:** (Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thương hiệu dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bạc)**4. Hồ sơ kèm theo**

1. Tên hàng hóa:.....

2. Số lượng và danh mục hàng hóa xin nhập khẩu:.....

3. Mô tả tên, chủng loại, hãng/nhà sản xuất, cung cấp của máy, thiết bị, linh kiện nhập khẩu và loại hình trò chơi điện tử có thương hiệu; số lượng, trị giá của từng mặt hàng theo Danh mục sau:

STT	Hãng sản xuất/ cung cấp	Chủng loại	Số lượng	Loại hình trò chơi	Trị giá	Thông tin khác (nếu có)
1						
2						
3						
Tổng số						

- Nêu rõ thời hạn kinh doanh và tổng số máy được phép kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử có thương hiệu dành cho người nước ngoài của doanh nghiệp; địa điểm lắp đặt máy, thiết bị nhập khẩu; địa chỉ kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin khác có liên quan khác theo yêu cầu tại khoản 5, 7 Điều 10 Thông tư này.

4. Theo hợp đồng nhập khẩu số:.....

5. Tại cửa khẩu:

6. Mục đích:.....

- địa điểm /lắp đặt/sử dụng/phân phối:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:.....

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nhập khẩu, lưu hành, phổ biến sản phẩm văn hóa và các điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, kinh doanh sòng bài của doanh nghiệp;

- Bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, nhà sản xuất theo quy định đối với máy, thiết bị nhập khẩu; về chủng loại, số lượng được phép nhập khẩu và kinh doanh;

- Bảo đảm máy, thiết bị mới 100%, chất lượng về âm thanh, hình ảnh, hình thức phù hợp với thẩm mỹ của người Việt Nam;

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị nhập khẩu./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
THƯƠNG NHÂN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

VII. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

41. Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp thay đổi nội dung biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản thông báo gửi nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao và chính quyền địa phương nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

+ Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch)

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

g) Phí, lệ phí:

- Mức thu phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn như sau:

Số TT	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.500.000
2	Từ 51 đến 100 phút	2.000.000
3	Từ 101 đến 150 phút	3.000.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.500.000
5	Từ 201 phút trở lên	5.000.000

- Trường hợp miễn phí

Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. Chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyên thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.

- Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

- Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên tổ chức, Doanh nghiệp:.....
- Giấy phép kinh doanh số :
- Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn,
- đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

 1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có):.....
 2. Thời gian tổ chức:
 3. Địa điểm tổ chức:.....
 4. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức duyệt chương trình:.....
 5. Người chịu trách nhiệm chính nội dung:.....
 6. Thông tin liên quan:.....

 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);
 - Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu của cá nhân, tổ chức (nếu có).
 - Tài liệu kèm theo (thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác - nếu có):
 - Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:
 - Chấp hành quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.
 - Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

42. Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện trình lãnh đạo Sở ký văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). Nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan.

- Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản thông báo gửi nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao và chính quyền địa phương nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

+ Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

- Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

- Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...

V/v đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các
loại hình nghệ thuật biểu diễn

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
- Giấy phép kinh doanh số :
- Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn,
..... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:
- 1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có):.....
.....
- 2. Thời gian tổ chức:
- 3. Địa điểm tổ chức:.....
- 4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn:.....
- 5. Thông tin liên quan:.....
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết, phối hợp (nếu có).....
- Tài liệu kèm theo: (Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác nếu có):
.....

(Tổ chức, cá nhân đề nghị)cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 ..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN
 (Tên cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn)

1. Tên gọi, đơn vị tổ chức cuộc thi, liên hoan

1.1. Tên gọi (tên cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn):

.....

1.2. Đơn vị tổ chức (tổ chức, cá nhân đề nghị):.....

.....

2. Loại hình nghệ thuật biểu diễn

Phần này ghi rõ các loại hình nghệ thuật biểu diễn được tổ chức thi, liên hoan

3. Mục đích, ý nghĩa cuộc thi, liên hoan

Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi, liên hoan được nêu rõ và phải phù hợp với tên gọi của cuộc thi, liên hoan.

4. Điều kiện, đối tượng tham gia cuộc thi, liên hoan

4.1. Điều kiện tham gia

4.2. Đối tượng tham gia

5. Nội dung, trình tự tổ chức

5.1. Công bố cuộc thi, liên hoan

- Thời gian:

- Cách thức, nội dung thông báo tổ chức

5.2. Vòng thi/Chương trình liên hoan

- Thời gian, địa điểm:.....

- Nội dung thi, liên hoan:

- Công bố kết quả:

5.3. Vòng thi .../Chương trình liên hoan

6. Danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

6.1. Danh hiệu và giá trị giải thưởng

6.2. Thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

7. Quy chế chấm giải

Ngoài các quy chế chấm giải của cuộc thi, liên hoan do đơn vị tổ chức quy định, phần này ghi rõ thành phần ban giám khảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên đáp ứng năng lực chuyên môn về loại hình nghệ thuật biểu diễn trong cuộc thi, liên hoan.

8. Kinh phí tổ chức (Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí)

9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

Phần này ghi rõ quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên kết, nhà tài trợ, thí sinh,... kèm theo cam kết phải chịu trách nhiệm xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tổ chức cuộc thi, liên hoan của đơn vị.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

43. Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình kèm theo dự thảo mẫu văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). Trường hợp không chấp thuận, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản thông báo gửi nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao và chính quyền địa phương nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có văn bản trả lời và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

+ Đề án tổ chức cuộc thi (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

+ Tại Sở VH TT: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

+ Tại UBND thành phố: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

- Đề án tổ chức cuộc thi (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

- Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị tổ chức cuộc thi người
đẹp, người mẫu

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên tổ chức, cá nhân:.....
- Giấy phép kinh doanh số :
- Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn,
..... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:
- 1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có):.....
.....
- 2. Thời gian tổ chức:
- 3. Địa điểm tổ chức:.....
- 4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn:.....
- 5. Thông tin liên quan:.....
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết, phối hợp (nếu có).....
- Tài liệu kèm theo (thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác nếu có):
.....
.....

(Tổ chức, cá nhân đề nghị) cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN
(Tên cuộc thi người đẹp, người mẫu)

1. Tên gọi, đơn vị tổ chức cuộc thi, liên hoan

1.1. Tên gọi (tên cuộc thi người đẹp, người mẫu) :

.....

1.2. Đơn vị tổ chức (tổ chức, cá nhân đề nghị):

.....

2. Mục đích, ý nghĩa cuộc thi, liên hoan

Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi, liên hoan được nêu rõ và phải phù hợp với tên gọi của cuộc thi, liên hoan.

3. Điều kiện, đối tượng tham gia cuộc thi, liên hoan

3.1. Điều kiện dự thi

3.2. Đối tượng dự thi

4. Nội dung, trình tự tổ chức

4.1. Công bố cuộc thi, liên hoan

- Thời gian:

- Cách thức, nội dung thông báo tổ chức:.....

4.2. Vòng thi

- Thời gian, địa điểm:.....

- Nội dung thi:.....

- Công bố kết quả:

4.3. Vòng thi

5. Danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

5.1. Danh hiệu và giá trị giải thưởng

5.2. Thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

6. Quy chế chấm giải

7. Kinh phí tổ chức

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí)

8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

Phần này ghi rõ quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên kết, nhà tài trợ, thí sinh,... kèm theo cam kết phải chịu trách nhiệm xử lý giải quyết khiếu nại, tố

cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tổ chức cuộc thi của đơn vị.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

44. Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành văn bản xác nhận (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP). Trường hợp không chấp thuận, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp thay đổi nội dung đã được chấp thuận cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã tiếp nhận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới cá nhân đề nghị.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1;

+ Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

đ) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

g) Phí, lệ phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 144/2020/NĐ-CP);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có giấy mời của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.

- Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

- Không trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI**Về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Họ và tên:.....
- Thẻ căn cước công dân//hộ chiếu số năm sinh:.....
- Căn cứ Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tôi đăng ký ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có):.....

.....

2. Thời gian tham gia:

3. Địa điểm tham gia:.....

Tài liệu kèm theo (thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác nếu có):

.....

..... xin cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

VIII. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

46. Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện mở cửa hoạt động, cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình gửi UBND thành phố để xem xét, quyết định, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có văn bản trả lời và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập

Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).

+ Đối với thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài:

(1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam) (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).

(2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Điều 21 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.

+ Tại Sở VH TT: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại UBND thành phố: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập:

Thông báo thành lập thư viện (dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục) (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).

- Đối với thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam:

Thông báo thành lập thư viện (dành cho Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam) (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

- Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

* Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

THÔNG BÁO THÀNH LẬP THƯ VIỆN(Dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục)

Kính gửi:2.....

Ngày tháng năm.....,3..... đã ban hành Quyết định số..... về việc thành lập thư viện...../thành lập.....4.....trong đó có thư viện.....5..... (có Quyết định kèm theo).

Thông tin về thư viện được thành lập như sau:

1. Thư viện

Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....; Fax:.....

E-mail (nếu có):..... Website (nếu có):.....

Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (nếu có):.....

2. Đối tượng phục vụ

3. Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện ban đầu của thư viện

- Tổng số bản sách:

Số đầu sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:.....

- Tổng số đầu tài liệu số (nếu có):.....

- Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:.....

(Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo).

4. Diện tích thư việnm²Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:..... m²

5. Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên:

- + Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....
- + Ngày tháng năm sinh:.....
- + Địa chỉ:.....
- + Số điện thoại: E-mail:.....
- Tổng số người làm công tác thư viện:
- 6. Ngày bắt đầu hoạt động: ngày..... tháng.....năm.....

Theo quy định của Luật Thư viện,1..... trân trọng thông báo./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ tên, đóng dấu)

-
- 1 Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập thư viện; cơ sở giáo dục quản lý thư viện.
 - 2 Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.
 - 3 Người/tổ chức có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập thư viện.
 - 4 Đơn vị mà thư viện là một bộ phận trong đó (Áp dụng trong trường hợp thư viện không phải là đơn vị độc lập).
 - 5 Tên thư viện.

.....(1).....

THÔNG BÁO THÀNH LẬP THƯ VIỆN**(Dành cho Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân2....

.....3 thông báo thành lập thư viện với các nội dung sau:

1. Tên thư viện:

Tên viết bằng tiếng nước ngoài (viết chữ in hoa):

Tên viết bằng tiếng Việt (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở thư viện:

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có):

E-mail (nếu có): Website (nếu có):

3. Mục tiêu, đối tượng phục vụ của thư viện:

.....
.....4. Tài nguyên thông tin và tiện ích ban đầu của thư viện⁴:

- Thẻ loại (tổng hợp/chuyên ngành).....

(nếu là chuyên ngành ghi rõ chuyên ngành gì)

- Tổng số bản sách:

Số đầu sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:

- Tổng số đầu tài liệu số (nếu có):

- Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác (nếu có):

(Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo. Đối với sách, báo, tài liệu nhập từ nước ngoài, kèm theo Giấy phép xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm của cơ quản lý nhà nước về xuất bản).

5. Diện tích thư viện:m²;Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:m²

6. Danh mục hoạt động, dịch vụ thư viện sẽ thực hiện ở Việt Nam:

.....

7. Kinh phí đầu tư ban đầu cho thư viện:

Tổng số (bằng số; VND):

(bằng chữ

8. Chủ sở hữu thư viện (đánh dấu vào ô tương ứng):

Cá nhân Nhóm cá nhân Tổ chức

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Nếu chủ sở hữu là công dân Việt Nam :

Họ tên chủ sở hữu (viết chữ in hoa):.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Địa chỉ:.....

Nếu chủ sở hữu là người nước ngoài:

Họ tên chủ sở hữu (viết chữ in hoa):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đánh dấu vào ô tương ứng):

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ thường trú ở nước ngoài:

(ghi rõ: số nhà, đường phố, quận, tỉnh/thành phố, bang, quốc gia).

Địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam:.....

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

E-mail (nếu có):

Thông tin về Giấy đăng ký tạm trú tại Việt Nam:

Số:... ..

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là nhóm cá nhân: Kê khai thông tin từng cá nhân trong nhóm theo quy định tại điểm a. Trường hợp từ 05 người trở lên có thể lập danh sách riêng gửi kèm theo.

c) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

- Tên tổ chức (viết chữ in hoa):

- Số Quyết định thành lập/Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:Cơ quan cấp.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

(ghi rõ: số nhà/đường phố/quận/thành phố/quốc gia(nếu có))

Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo các thông tin quy định tại điểm a - nếu có).

Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

9. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của thư viện:

a) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của thư viện không đồng thời là chủ sở hữu:

Nếu người đại diện là công dân Việt Nam:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Địa chỉ:.....

Nếu người đại diện là người nước ngoài:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Cơ quan cấp:

Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Địa chỉ thường trú ở nước ngoài:

(ghi rõ địa chỉ: số nhà, đường phố, quận, tỉnh/thành phố, bang, quốc gia)

Địa chỉ cư trú ở Việt Nam:

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có):

Email (nếu có):

b) Trường hợp chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật của thư viện:

- Họ và tên:

- Địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam:

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương).

10. Thông tin về người làm công tác thư viện:

a) Tổng số: Số người Việt Nam (nếu có):.....

b) Thông tin của người làm công tác thư viện (trường hợp có nhiều hơn 02 người, lập danh sách riêng gửi kèm):

- Họ và tên:.....

- Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

- Ngày tháng năm sinh:.....

- Địa chỉ:.....

- Trình độ văn hóa:.....

- Nghiệp vụ thư viện:.....

11. Ngày bắt đầu hoạt động: ngày..... tháng.....năm....

...3Cam kết:

- Quản lý, vận hành thư viện theo đúng mục tiêu, đối tượng phục vụ; sử dụng trụ sở thư viện đúng mục đích và quy định của pháp luật Việt Nam.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đã thông báo;

- Trường hợp thay đổi một trong các thông tin sau: tên, địa chỉ, mục tiêu, đối tượng phục vụ của thư viện, chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của thư viện, sẽ thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hồ sơ đính kèm:

- a) Danh mục tài nguyên thông tin, tiện ích ban đầu của thư viện;
- b) Bản sao Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sách, báo, tài liệu (đối với sách, báo, tài liệu nhập từ nước ngoài);
- c) Giấy chứng nhận đăng ký tạm trú Việt Nam hoặc Giấy xác nhận là nhân viên của cơ quan, tổ chức nước ngoài được thành lập hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện theo pháp luật của thư viện; Lý lịch tư pháp của người nước ngoài làm việc tại thư viện (nếu có).
- d) Tài liệu khác (nếu có).

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
THÀNH LẬP THƯ VIỆN**
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

-
- 1 Tên của tổ chức thành lập thư viện (chỉ áp dụng để ghi tên đối với trường hợp tổ chức thành lập thư viện).
 - 2 Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thư viện đặt trụ sở chính.
 - 3 Tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập thư viện.
 - 4 Ghi số lượng tại thời điểm thông báo.
 - 5 Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp thư viện có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

46. Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, cơ quan tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình gửi UBND thành phố để xem xét, quyết định, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có văn bản trả lời và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập:

Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/ hợp nhất/ chia/ tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

+ Đối với thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam:

(1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/ hợp nhất/ chia/ tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên

quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành).

(2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14; Điều 21 Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.

+ Tại Sở VH TT: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại UBND thành phố: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không yêu cầu

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

- *Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.*

* Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

THÔNG BÁO SÁP NHẬP/HỢP NHẤT/CHIA/TÁCH THƯ VIỆN

Kính gửi:2.....

Triển khai văn bản số ngày..... của /thỏa thuận của các bên liên quan 3,1..... đã thực hiện sáp nhập/hợp nhất/chia/tách 4 thư viện cụ thể như sau:

1. Thông tin về thư viện trước sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện:

- Địa chỉ:

- Thành lập theo Quyết định số...../Văn bản thông báo số3..... của.....

(Trường hợp nhiều thư viện ghi đầy đủ thông tin của từng thư viện bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách).

b) Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin của thư viện⁵ và trao trả tài nguyên thông tin được tiếp nhận luân chuyển từ thư viện công lập (nếu có) (có phương án kèm theo).

2. Thông tin về thư viện sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách:

a) Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa):

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:.....

(ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương).

Số điện thoại:.....; Fax:.....

E-mail (nếu có):..... Website (nếu có):.....

Tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý thư viện (nếu có).....

b) Đối tượng phục vụ (đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục chỉ phải kê khai nếu có đối tượng phục vụ ngoài tổ chức):

c) Tài nguyên thông tin và tiện ích thư viện của thư viện:

- Tổng số bản sách:

- Tổng số đầu báo, tạp chí:.....

- Tổng số đầu tài liệu số (nếu có).....
 - Máy tính, cơ sở dữ liệu hoặc trang thiết bị khác:.....
- (Có Danh mục tài nguyên thông tin, thiết bị thư viện kèm theo).

d) Diện tích thư viện:m²

Trong đó, diện tích dành cho bạn đọc:..... m²

đ) Thông tin nhân sự của thư viện

- Giám đốc/người trực tiếp phụ trách thư viện:

+ Họ và tên:

+ Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....

+ Ngày tháng năm sinh:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Số điện thoại: E-mail:.....

- Tổng số người làm công tác thư viện:

e) Bắt đầu hoạt động từ ngày.....tháng..... năm.....

3. Thông tin về thư viện chấm dứt hoạt động sau sáp nhập/hợp nhất/chia/tách

Tên thư viện (ghi bằng chữ in hoa):
sẽ chấm dứt hoạt động từ ngày.....tháng..... năm.....

Theo quy định của Luật Thư viện,1..... trân trọng
thông báo đến.....2...../.

CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
THÀNH LẬP THƯ VIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu)

1 Tên cơ quan thành lập thư viện.

2 Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.

3 Đối với thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

4 Chỉ ghi nội dung sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc chia hoặc tách thư viện.

5 Đối với thư viện công lập.

47. Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước 30 ngày tính đến ngày thư viện chấm dứt hoạt động, cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện gửi thông báo trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện lập Tờ trình gửi UBND thành phố để xem xét, quyết định, nếu chưa đủ điều kiện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi tổ chức, cá nhân.

Bước 4: Khi nhận được Tờ trình của Sở VH TT, UBND thành phố có văn bản trả lời và gửi về Sở VH TT để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý, UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.

+ Tại Sở VH TT: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Tại UBND thành phố: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình kèm hồ sơ của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TTBVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không yêu cầu

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019
- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.
- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản trả lời

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TTBVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không yêu cầu

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019

- Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc giải thể/chấm dứt hoạt động của thư viện

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

5..... trân trọng thông báo:

Tên thư viện (*viết chữ in hoa*):

Địa chỉ:

(*ghi rõ: số nhà; thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/tổ dân phố/khu phố/khối phố và tương đương; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương*)

Hoạt động từ ngày..... tháng..... năm..... theo Quyết định số.....**6/**

Thông báo hoạt động thư viện ngày..... và Văn bản trả lời

số.....**7** ngày.... tháng.... năm..... của..... sẽ chấm

dứt hoạt động từ ngày..... tháng..... năm.....

Lý do chấm dứt hoạt động:

.....

Hồ sơ kèm theo:

1. Quyết định/Thông báo thành lập thư viện.

2. Quyết định giải thể thư viện (đối với thư viện công lập);

3. Phương án bảo toàn tài nguyên thông tin thư viện theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt **6**. Hồ sơ chuyển giao tài nguyên thông tin **7**.

Theo quy định của Luật Thư viện,**5**..... trân trọng thông báo./.

**CƠ QUAN THÀNH LẬP THƯ VIỆN/
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
 LUẬT CỦA THƯ VIỆN**

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có*)

1 Tên cơ quan, tổ chức thành lập thư viện; cơ sở giáo dục có thư viện.

2 Áp dụng đối với các trường hợp giải thể thư viện công lập.

3 Áp dụng đối với các trường hợp tự chấm dứt hoạt động của thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam; chấm dứt hoạt động của thư viện của tổ chức khác.

4 Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện.

5 Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập thư viện.

6 Đối với thư viện của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục.

7 Đối với thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

IX. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

49. Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị tổ chức lễ hội sau phải hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày:

+ Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề thành phố được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên;

+ Lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề có nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia tổ chức (sau đây gọi là lễ hội cấp tỉnh) được tổ chức lần đầu hoặc khôi phục sau thời gian gián đoạn từ 02 năm trở lên.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng có nhiệm vụ thẩm định những nội dung sau:

- + Sự đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ;
- + Các chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội;
- + Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.
- + Tính xác thực của tài liệu hoặc văn bản chứng minh; nội dung thực hành nghi lễ truyền thống (đối với lễ hội truyền thống).

- Trường hợp hoạt động lễ hội có nội dung liên quan đến các bộ, ngành, Trung ương hoặc các đơn vị ở địa phương, Sở phải có văn bản tham mưu UBND thành phố xin ý kiến, tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ và quyết định việc chấp thuận tổ chức hoạt động lễ hội.

- Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Chỉ được tổ chức lễ hội sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, cơ quan tiếp nhận đăng ký phải có văn bản thông báo những nội dung cần bổ sung. Đơn vị tổ chức lễ hội bổ sung hồ sơ và thực hiện lại trình tự đăng ký theo quy định tại Điều này.

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận Tờ trình của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND thành phố có văn bản cấp phép và gửi về Sở để bàn giao

cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời;

+ Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường;

+ Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội;

+ Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Tại Sở VH TT: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Tại UBND thành phố: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình và hồ sơ kèm theo của Sở Văn hóa và Thể thao.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị tổ chức lễ hội.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thụ hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận.

- Văn bản trả lời nêu rõ lý do nếu không đồng ý.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

49. Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị tổ chức lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa, lễ hội ngành nghề thành phố được tổ chức hàng năm hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao trước ngày dự kiến tổ chức lễ hội ít nhất 20 ngày.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nếu đồng ý tham mưu văn bản gửi UBND thành phố. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, phòng chuyên môn trình lãnh đạo Sở ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi nhận Tờ trình của Sở Văn hóa và Thể thao, UBND thành phố có văn bản thông báo và gửi về Sở để bàn giao cho đơn vị xin phép. Trường hợp không đồng ý UBND thành phố có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần hồ sơ:

- + Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội;
 - + Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội;
 - + Dự kiến thành phần, số lượng khách mời;
 - + Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội;
 - + Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Sở Văn hóa và Thể thao nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.

- Tại Sở VH TT: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Tại UBND: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình và hồ sơ kèm theo của Sở Văn hóa và Thể thao.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Đơn vị tổ chức lễ hội.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC:

- Nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.

- Nếu không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

X. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

50. Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập cơ sở nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đến cơ quan chuyên môn hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lần đầu giấy chứng nhận cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2023/NĐ-CP (Nghị định 76). Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ để hoàn thiện;

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76;

+ Dự thảo quy chế hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;

+ Bảng giá dịch vụ (nếu có);

+ Hồ sơ của người đứng đầu: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở; (4) Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm

hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 16 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76;

+ Yêu cầu hồ sơ của nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; (3) Bản sao có công chứng, chứng thực các văn bằng có liên quan đến dịch vụ dự kiến cung cấp; (4) Bản sao có công chứng, chứng thực giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lần đầu).

g) Lệ phí: Chưa quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp (lần đầu) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Mẫu số 15 Nghị định 76);

- Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình (Mẫu số 16 Nghị định 76);

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lần đầu) (Mẫu số 17 Nghị định 76)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở

- Có đủ sức khỏe được cơ sở y tế có thẩm quyền kết luận theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe.

- Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

- Trình độ từ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp được quy định như sau:

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có bằng đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; pháp luật; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; luật; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh lý về tâm thần cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực phù hợp với dịch vụ cung cấp.

- Trường hợp cơ sở đăng ký cung cấp nhiều dịch vụ hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì người đứng đầu phải đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình và có ít nhất một trong các trình độ quy định phía trên.

* Yêu cầu về cơ sở vật chất và địa điểm đối với cơ sở cung cấp nơi tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

- Yêu cầu về cơ sở vật chất

+ Cơ sở cung cấp nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình phải đáp ứng nhu cầu tối thiểu như giường, chiếu, chăn, màn, điện thắp sáng, quạt làm mát, điện thoại liên lạc, nhà vệ sinh khép kín, cửa có khóa và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, an ninh trật tự;

+ Cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi phải có nơi cung cấp dịch vụ hợp vệ sinh, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, có trang thiết bị phù hợp với dịch vụ cung cấp.

- Yêu cầu về địa điểm: Cơ sở cung cấp nơi tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động hoặc giao dịch. Trụ sở hoạt động hoặc giao dịch phải trùng khớp với giấy chứng nhận đăng ký thành lập.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;

- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ
trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
(Cấp lần đầu/Cấp đổi lần ... /Cấp lại lần ...)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia
đình;

Tôi là (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với
người nước ngoài)

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Quốc tịch:

Làm đơn này đề nghị (cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch
của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ... xem xét cấp (ghi rõ: lần đầu/cấp lại lần.../cấp
đổi lần...) ... giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp
phòng, chống bạo lực gia đình.

Lý do (trường hợp cấp lần đầu không ghi thông tin này):

Cụ thể:

1. Tên gọi của cơ sở

a) Tên tiếng Việt:

Viết tắt tên cơ sở (nếu có):

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có)

2. Thông tin về người đứng đầu cơ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông
tin này)

Họ và tên (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu²(đối với
người nước ngoài)

Ngày cấp Nơi cấp.....

Trình độ....., ngành/chuyên ngành được đào tạo:

3. Địa chỉ đặt trụ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

.....

4. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

a) Nội dung đăng ký hoạt động:

.....

b) Phạm vi đăng ký hoạt động:

.....

5. Cam kết

Người đứng đầu và nhân viên của cơ sở chấp hành nghiêm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan đến hoạt động của cơ sở; thực hiện đúng Quy chế hoạt động đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tôi là

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Quốc tịch:

Tôi là người đứng tên đại diện theo pháp luật để đăng ký cấp giấy chứng nhận thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình với tên gọi của cơ sở là:

Tôi cam kết tôi chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu tôi cung cấp thông tin sai sự thật, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI CAM KẾT
(ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ
trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
(Cấp lần đầu/Cấp lại lần.../Cấp đổi lần...)

Số: /GCNĐKHH

Đăng ký lần đầu ngày tháng năm ... theo ... số /GCNĐKHH2
Cấp lại/cấp đổi ngày tháng năm ... (chỉ áp dụng đối với cấp lại,
cấp đổi)

1. Tên gọi của cơ sở

a) Tên tiếng Việt (chữ in hoa):

Viết tắt tên gọi (nếu có)

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

Họ và tên (chữ in hoa):

Căn cước công dân³ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu⁴ (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp: Nơi cấp

Quốc tịch:

Chức danh

3. Địa chỉ đặt trụ sở

4. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động

a) Nội dung đăng ký hoạt động (Ghi rõ từng nội dung đăng ký theo hồ sơ đề nghị và phải phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình):

b) Phạm vi đăng ký hoạt động.....

.....

..., ngày ... tháng... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

51. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình bị mất, bị rách nát hoặc bị hư hỏng, cơ sở gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc tại địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận phải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ ngay khi tiếp nhận trực tiếp. Đối với đơn đề nghị cấp lại được gửi bằng hình thức bưu chính hoặc điện tử, trong thời gian 01 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận phải có thông báo bằng văn bản cho người gửi hồ sơ để hoàn thiện.

Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lại lần...)

g) *Lệ phí: Chưa quy định.*

h) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- *Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lại lần...) (Mẫu số 15 Nghị định 76);*

- *Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lại lần...). (Mẫu số 17 Nghị định 76)*

i) *Điều kiện thực hiện TTHC: Không.*

k) *Căn cứ pháp lý của TTHC:*

- *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;*

- *Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ
giúp phòng, chống bạo lực gia đình
(Cấp lần đầu/Cấp đổi lần ... /Cấp lại lần ...)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

Tôi là (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Quốc tịch:

Làm đơn này đề nghị (cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ... xem xét cấp (ghi rõ: lần đầu/cấp lại lần.../cấp đổi lần...) ... giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

Lý do (trường hợp cấp lần đầu không ghi thông tin này):

.....

Cụ thể:

1. Tên gọi của cơ sở

a) Tên tiếng Việt:

Viết tắt tên cơ sở (nếu có):

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có)

2. Thông tin về người đứng đầu cơ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

Họ và tên (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp Nơi cấp.....

Trình độ....., ngành/chuyên ngành được đào tạo:

3. Địa chỉ đặt trụ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

.....

4. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

a) Nội dung đăng ký hoạt động:

.....

b) Phạm vi đăng ký hoạt động:

.....

5. Cam kết

Người đứng đầu và nhân viên của cơ sở chấp hành nghiêm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan đến hoạt động của cơ sở; thực hiện đúng Quy chế hoạt động đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ
trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
(Cấp lần đầu/Cấp lại lần.../Cấp đổi lần...)

Số: /GCNĐKHĐ

Đăng ký lần đầu ngày tháng năm theo số ... /GCNĐKHĐ2
Cấp lại/cấp đổi ngày tháng năm (chỉ áp dụng đối với cấp lại,
cấp đổi)

1. Tên gọi của cơ sở

a) Tên tiếng Việt (chữ in hoa):

Viết tắt tên gọi (nếu có)

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

2. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

Họ và tên (chữ in hoa):

Căn cước công dân³ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu⁴ (đối với
người nước ngoài)

Ngày cấp: Nơi cấp

Quốc tịch:.....

Chức danh

3. Địa chỉ đặt trụ sở

4. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động

a) Nội dung đăng ký hoạt động (Ghi rõ từng nội dung đăng ký theo hồ sơ
đề nghị và phải phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống bạo
lực gia đình):

b) Phạm vi đăng ký hoạt động.....

.....

..., ngày ... tháng... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

52. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có sự thay đổi người đứng đầu, địa chỉ hoặc nội dung, phạm vi hoạt động thì gửi đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76 hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ để hoàn thiện.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp thay đổi địa chỉ hoặc thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động, hồ sơ gồm đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Trường hợp thay đổi người đứng đầu, thành phần hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76;

Hồ sơ của người đứng đầu: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản sao có công chứng, chứng thực bằng tốt nghiệp đại học trở lên về ngành, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp; (3) Bản sao có công

chúng, chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác có liên quan đến dịch vụ đăng ký thành lập cơ sở; (4) Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 16 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (cấp đổi lần...).

g) Lệ phí: Chưa quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (cấp đổi lần...) (Mẫu số 15 Nghị định 76).

- Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (cấp đổi lần...) (Mẫu số 17 Nghị định 76).

i) Điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở

- Có đủ sức khỏe được cơ sở y tế có thẩm quyền kết luận theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe.

- Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

- Trình độ từ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp được quy định như sau:

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có bằng đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; pháp luật; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; luật; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh lý về tâm thần cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; xã hội học; công tác xã hội;

+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực phù hợp với dịch vụ cung cấp.

- Trường hợp cơ sở đăng ký cung cấp nhiều dịch vụ hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thì người đứng đầu phải đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình và ít nhất một trong các trình độ quy định phía trên.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;

Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở
cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình
(Cấp lần đầu/Cấp đổi lần ... /Cấp lại lần ...)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

Tôi là (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài).....

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Quốc tịch:

Làm đơn này đề nghị (cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ... xem xét cấp (ghi rõ: lần đầu/cấp lại lần.../cấp đổi lần...) ... giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

Lý do (trường hợp cấp lần đầu không ghi thông tin này):

.....

Cụ thể:

1. Tên gọi của cơ sở

a) Tên tiếng Việt:

Viết tắt tên cơ sở (nếu có):

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có)

2. Thông tin về người đứng đầu cơ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

Họ và tên (chữ in hoa):

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp

Trình độ....., ngành/chuyên ngành được đào tạo:

3. Địa chỉ đặt trụ sở (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

.....
4. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động (trường hợp cấp lại không ghi thông tin này)

a) Nội dung đăng ký hoạt động:

.....
b) Phạm vi đăng ký hoạt động:

.....
5. Cam kết

Người đứng đầu và nhân viên của cơ sở chấp hành nghiêm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan đến hoạt động của cơ sở; thực hiện đúng Quy chế hoạt động đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tôi là

Căn cước công dân¹ (đối với công dân Việt Nam)/số hộ chiếu² (đối với người nước ngoài)

Ngày cấp:..... Nơi cấp

Quốc tịch:

Tôi là người đứng tên đại diện theo pháp luật để đăng ký cấp giấy chứng nhận thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình với tên gọi của cơ sở là:

Tôi cam kết tôi chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu tôi cung cấp thông tin sai sự thật, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI CAM KẾT

(ký, ghi rõ họ tên)

XI. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

53. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

(3) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, gồm:

+ Đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

+ Vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- 1 môn: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận

- Từ 2 môn trở lên: 1.000.000 + 500.000 đồng/01 môn bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 3.000.000/giấy chứng nhận

h) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:

(1) Huấn luyện viên thể thao chuyên nghiệp phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao chuyên ngành phù hợp với hoạt động của môn thể thao chuyên nghiệp và hoàn thành chương trình đào tạo huấn luyện viên chuyên nghiệp của liên đoàn thể thao quốc gia.

- Có bằng huấn luyện viên chuyên nghiệp do liên đoàn thể thao châu lục hoặc thế giới của môn thể thao chuyên nghiệp cấp.

- Có bằng huấn luyện viên chuyên nghiệp của nước ngoài được liên đoàn thể thao châu lục hoặc thế giới của môn thể thao chuyên nghiệp công nhận.

(2) Vận động viên chuyên nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có hợp đồng lao động với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

- Được liên đoàn thể thao quốc gia công nhận là vận động viên chuyên nghiệp. Trường hợp vận động viên là người nước ngoài tham gia thi đấu thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam phải có chứng nhận chuyên nhượng quốc tế và Giấy phép lao động theo quy định pháp luật về lao động.

(3) Nhân viên y tế thường trực trong các buổi tập luyện và thi đấu thể thao chuyên nghiệp hoặc nhân viên y tế của cơ sở y tế mà câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp ký hợp đồng để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết phải có trình độ chuyên môn từ cao đẳng y tế trở lên.

(4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao chuyên nghiệp phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với quy định của các tổ chức thể thao chuyên nghiệp quốc tế.

i) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

54. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn; hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Từ 2 môn trở lên: 1.000.000 + 500.000 đồng/01 môn bổ sung nhưng mức thu tối đa không quá 3.000.000/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện chung về kinh doanh hoạt động thể thao:

(1) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

(2) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao.

Điều kiện riêng kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

(1) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

Hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

(2) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

(1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ nhân viên chuyên môn theo, bao gồm:

Người hướng dẫn tập luyện thể thao;

Nhân viên cứu hộ;

Nhân viên y tế thường trực hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

Điều kiện riêng hoạt động thể thao dưới nước:

(1) Có nhân viên cứu hộ.

(2) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

(3) Đối với hoạt động thể thao trên sông, trên biển, trên hồ hoặc suối lớn phải có xuồng máy cứu sinh.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm ...

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện

thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày... tháng năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

55. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện khi thay đổi một trong các nội dung giấy chứng nhận sau đây:

- + Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
- + Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao;
- + Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh;
- + Chủ sở hữu trong giấy chứng nhận ĐKKD;

+ Số, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện. Hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

(3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 300.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Website: Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính: Chức danh:
 Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp:// Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....
5. Lý do đề nghị cấp lại:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

56. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 8/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 100.000 đồng/giấy chứng nhận

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội. Có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Website:Email:
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày.... thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....
5. Lý do đề nghị cấp lại:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

57. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của thành phố

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành Quyết định. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng cai giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của thành phố trực thuộc Trung ương (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014);

+ Điều lệ giải thể thao;

+ Chương trình thi đấu.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hành chính.

g) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Quyết định số 980/QĐ-SVHTT ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước về đăng cai tổ chức các giải thể thao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch thành phố
môn.....năm 20.....

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

Đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xem xét, cho phép đăng cai tổ chức giải vô địch môn..... tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

- Mục đích tổ chức:

- Nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Nội dung giải (tên, quy mô, số lượng, nội dung thi đấu):

- Thời gian tổ chức giải: từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...

- Địa điểm:.....

4. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định về tổ chức giải theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị./.

....., ngàytháng..... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Ký, đóng dấu, họ tên, chức vụ (nếu là tổ chức); ký, ghi rõ họ tên (nếu là cá nhân)

58. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao thành phố tổ chức theo đề nghị của Chủ tịch liên đoàn thể thao thành phố

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Liên đoàn thể thao thành phố hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành Quyết định. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Liên đoàn thể thao thành phố nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng cai giải thi đấu vô địch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014);

+ Điều lệ giải thể thao;

+ Chương trình thi đấu.

- Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Liên đoàn thể thao thành phố

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hành chính.

g) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Quyết định số 980/QĐ-SVHTT ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước về đăng cai tổ chức các giải thể thao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đăng cai tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên Liên đoàn thể thao thành phố đề nghị:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax:

Đề nghị Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng xem xét, cho phép đăng cai tổ chức giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác, cụ thể như sau:

- Mục đích tổ chức:

- Nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Nội dung giải (tên, quy mô, số lượng, nội dung thi đấu):

- Thời gian tổ chức giải: Từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...

- Địa điểm:.....

4. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định về tổ chức giải theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị./.

....., ngàytháng..... năm

CHỦ TỊCH LIÊN ĐOÀN ĐỀ NGHỊ
Ký, đóng dấu, họ tên, chức vụ

59. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 8/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

- a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt.
- b) Khoảng cách từ sàn tập đến trần nhà không thấp hơn 2,7m.
- c) Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên.
- d) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu.

đ) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

e) Việc tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga ở ngoài trời phải tuân thủ quy định tại các điểm a, c, d, đ mục này.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện:

- Đảm bảo mỗi người tập có 01 thảm tập cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn;
- Đối với động tác Yoga bay (Yoga fly): Võng lùa (dây) chịu được ít nhất 300 kg trọng lực, được lắp đặt trên một hệ thống treo có khả năng đảm bảo an toàn cho người tập luyện. Chiều dài của dây có thể điều chỉnh để vừa với tư thế người tập;

- Các dụng cụ hỗ trợ tập luyện môn Yoga phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập.

b) Trang thiết bị thi đấu:

- Đảm bảo mỗi người có 01 thảm cá nhân hoặc thảm lớn trên sàn;
- Có thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải;
- Đồng hồ bấm giờ, bảng báo giờ, bảng điểm, loa, vạch giới hạn sân thi đấu.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu 2,5m²/01 người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 người trong một giờ học.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. Luật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

60. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Đối với sân tập Golf ngoài trời:

- Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf.

- Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến điểm cách điểm phát bóng 150m.

- Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh;

- Có lưới bảo vệ cao ít nhất là 20m ở hai bên và phía trước đường tập (lane);

- Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm phát bóng của đường tập không nhỏ hơn 2,5m;

- Trường hợp sân tập Golf có kích thước chiều dài nhỏ hơn 200m thì phải có lưới bảo vệ ở trên nóc đường tập;

- Trường hợp sân tập Golf trên hồ phải có phao ngăn cách giữa khu vực tập luyện và khu vực bên ngoài, biển cảnh báo.

b) Đối với sân tập Golf trong nhà:

- Có kích thước chiều dài ít nhất là 6m, chiều rộng ít nhất là 5m và chiều cao ít nhất là 3,5m;

- Ở hai bên, phía trước và nóc của đường tập có vật liệu giảm chấn như lưới, mút để đảm bảo khi bóng đánh vào đạt độ nảy không quá 1,5m;

- Trường hợp phòng tập có nhiều đường tập:

+ Khoảng cách giữa các điểm phát bóng không nhỏ hơn 2,5m;

+ Có lưới ngăn cách giữa các đường tập cao đến trần của sân tập Golf trong nhà.

c) Trang thiết bị dùng để tập luyện phải đảm bảo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế.

d) Nội quy sân tập Golf bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng được phép tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện Golf, giờ luyện tập, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện và các quy định khác.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Sân Golf được bố trí theo yêu cầu kỹ thuật và nội dung thi đấu phù hợp với tính chất và quy mô của giải đấu; được Hiệp hội Golf Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh dấu và xác nhận độ khó của sân theo luật thi đấu môn Golf.

b) Có bản đồ mô tả một số vị trí chính: Khu vực phát bóng, vị trí từng hố golf, vị trí tạo độ khó của sân và vị trí địa điểm nghỉ sau vòng đấu.

c) Tại những khu vực giáp đường giao thông, khu dân sinh phải có hàng rào ngăn cách ở khu vực giới hạn của sân Golf cao ít nhất 20m, cao dần đều đến ít nhất là 40m kể từ khu vực phát bóng đến điểm cách điểm phát bóng 150m.

d) Bố trí điểm sơ cứu, cấp cứu tại các khu vực trên sân Golf; đảm bảo thuận lợi cho xe cứu thương di chuyển.

đ) Có khu vực thay đồ, nhà vệ sinh.

e) Có cờ, còi và biển báo hiệu đánh dấu các mốc khoảng cách.

f) Có thiết bị cảnh báo và hệ thống báo động khi có sét.

g) Trang thiết bị, dụng cụ thi đấu môn Golf đảm bảo theo quy định của Hiệp hội Golf quốc tế.

h) Phương tiện di chuyển cho các thành viên tổ chức, điều hành và các vận động viên trong quá trình thi đấu.

i) Bộ đàm, đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo cho các thành viên tổ chức và điều hành giải; đồng hồ thông báo tại hố số 1, hố số 10 và khu vực sân tập.

(3) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf (Bãi bỏ Điều 5 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao,

câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

61. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Mặt sân Cầu lông:

- Có chiều dài ít nhất 15,40m và chiều rộng ít nhất 8,10m;

- Mặt sân phẳng, không trơn trượt.

b) Kích thước sân:

- Đối với sân đánh đôi: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 6,10m, độ dài đường chéo sân là 14,723m;

- Đối với sân đánh đơn: Chiều dài 13,40m, chiều rộng 5,18m, độ dài đường chéo sân là 14,366m;

- Các đường biên và đường giới hạn có chiều rộng 4cm.;

- Khoảng cách từ đường biên ngang, đường biên dọc đến tường bao quanh và đến sân kế tiếp ít nhất 01m;

- Đối với sân Cầu lông trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m, tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

c) Chiều cao của lưới là 1,55m, cột lưới có hình trụ, đủ chắc chắn và đứng thẳng khi lưới được căng lên. Hai cột lưới và các phụ kiện không được đặt vào trong sân.

d) Lưới được làm từ sợi dây nylon hoặc chất liệu tổng hợp có màu sẫm, các mắt lưới không nhỏ hơn 15mm và không lớn hơn 20mm, mép trên của lưới được nẹp màu trắng.

đ) Đảm bảo ánh sáng trên sân ít nhất là 150 lux.

e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh.

g) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

- Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Cầu lông phải đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e mục (1) nêu trên.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
- Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

62. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên.

b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên.

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

đ) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

e) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

g) Trang thiết bị tập luyện:

- Võ phục tập luyện: 01 bộ/01 võ sinh.

- Địch đá các loại: 01 chiếc/04 võ sinh.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Tuân thủ các điều kiện quy định tại điểm b, c, d mục (1) nêu trên.

b) Sàn thi đấu bằng phẳng được trải thảm có tính đàn hồi, kích thước thảm thi đấu 10m x 10m.

c) Võ phục thi đấu, bảo hộ tay, chân, gối, hạ bộ và bịt răng: 01 bộ/01 võ sinh.

d) Giáp, mũ thi đấu Taekwondo: 03 bộ/01 sân.

đ) Bảng công bố điểm, cân trọng lượng võ sinh.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh;

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

h) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

63. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên.

b) Ánh sáng đảm bảo từ 200 lux trở lên.

c) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

d) Có võ phục chuyên môn Karate: Găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lãmpơ).

đ) Có khu vực thay đồ, cất giữ đồ, nhà vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện, ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, địa chỉ, thời gian theo học và lưu đơn xin học của từng người.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thảm hình vuông có chiều dài mỗi cạnh từ 10m đến 12m;

b) Tuân thủ các quy định tại điểm a và điểm b mục (1) nêu trên.

c) Bảo vệ cơ thể, bịt răng, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể, công và cờ trọng tài gồm hai màu xanh và màu đỏ;

d) Có võ phục chuyên môn Karate; găng tay màu xanh, găng tay màu đỏ; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu xanh; bộ bảo vệ bàn chân, ống quyển màu đỏ; dụng cụ đỡ đòn (lãmpơ);

đ) Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 võ sinh;

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

64. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Bể bơi:

- Kích thước: Bể bơi được xây dựng hoặc lắp đặt có kích thước không nhỏ hơn 6m x 12m hoặc có diện tích tương đương;

- Đáy bể có độ dốc đều, không gập khúc, chênh lệch độ sâu không quá 01m đối với bể bơi có chiều dài từ 25m trở lên hoặc không quá 0,5m đối với bể bơi có chiều dài nhỏ hơn 25m;

- Thành bể, đáy bể có bề mặt nhẵn, mịn, dễ làm sạch.

b) Bục xuất phát chỉ được lắp đối với bể bơi có độ sâu không nhỏ hơn 1,35m.

c) Có phòng thay đồ, khu tắm tráng và khu vệ sinh; sàn các khu vực này và xung quanh bể bơi phải phẳng, không đọng nước, không trơn trượt.

d) Khu vực rửa chân được đặt tại vị trí trước khi người tập xuống bể.

đ) Có hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt.

e) Hệ thống ánh sáng đảm bảo độ sáng không nhỏ hơn 300 Lux ở mọi địa điểm trên mặt nước bể bơi.

g) Có dây phao được căng để phân chia các khu vực của bể bơi.

h) Dụng cụ cứu hộ:

- Sào cứu hộ được đặt trên thành bể ở các vị trí thuận lợi để quan sát và sử dụng, có độ dài 2,5m, sơn màu đỏ - trắng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 sào;

- Phao cứu sinh được đặt trên thành bể ở vị trí thuận lợi khi sử dụng. Mỗi bể bơi phải có ít nhất 06 phao;

- Ghế cứu hộ được đặt trên thành bể với vị trí thuận lợi để quan sát cho nhân viên cứu hộ, có chiều cao ít nhất 1,5m so với mặt bể.

i) Bảng nội quy, biển báo:

- Bảng nội quy, biển báo được đặt ở các hướng, vị trí khác nhau, dễ đọc, dễ quan sát;

- Bảng nội quy bao gồm các nội dung chủ yếu sau: giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn, quy định đối tượng không được tham gia tập luyện và các quy định khác;

- Biển báo khu vực dành cho người không biết bơi (có độ sâu từ 01m trở xuống); khu vực dành cho những người biết bơi và khu vực cắm nhảy cắm đầu (có độ sâu ít hơn 1,4m).

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g mục (1) nêu trên.

b) Có đường bơi rộng ít nhất 02m, được phân cách bằng dây phao nổi giảm sóng.

(3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

a) Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 01 người/01m² ở khu vực nước nông (độ sâu dưới 01m) hoặc 01 người/02m² ở khu vực nước sâu (độ sâu từ 01m trở lên).

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện chỉ được hướng dẫn không quá 30 người hoặc không quá 20 người đối với trẻ em dưới 10 tuổi trong một buổi tập.

c) Phải bảo đảm có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia tập luyện và thi đấu. Số lượng nhân viên cứu hộ phải đảm bảo ít nhất 200m² mặt nước bể bơi/01 nhân viên, trường hợp có đông người tham gia tập luyện phải đảm bảo ít nhất 50 người bơi/01 nhân viên trong cùng một thời điểm.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

65. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, khoảng cách tính từ mép ngoài bàn tới tường ít nhất là 1,5m, khoảng cách các bàn với nhau ít nhất là 1,2m.

b) Cơ sở tổ chức tập luyện và thi đấu Billiards & Snooker phải có ít nhất một trong những loại bàn sau:

- Bàn Snooker: Chiều dài lòng bàn 3,569m (độ dao động từ 3,556m đến 3,582m), chiều rộng lòng bàn 1,778m (độ dao động từ 1,765m đến 1,791m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 85mm đến 88 mm;

- Bàn Pool: Chiều dài lòng bàn 2,54m (độ dao động từ 2,537m đến 2,543m), chiều rộng lòng bàn 1,27 m (độ dao động từ 1,267m đến 1,273m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 74mm đến 79mm;

- Bàn Carom: Gồm bàn lớn và bàn nhỏ. Chiều dài lòng bàn lớn 2,84m (độ dao động từ 2,835m đến 2,845m), chiều rộng lòng bàn lớn 1,42m (độ dao động từ 1,415m đến 1,425m). Chiều dài lòng bàn nhỏ 2,54m (độ dao động từ 2,535m đến 2,545m), chiều rộng lòng bàn nhỏ 1,27m (độ dao động từ 1,265m đến 1,275m). Chiều cao tính từ mặt sàn tới mặt thành băng của bàn từ 75mm đến 80mm.

c) Mặt bàn phải đảm bảo độ phẳng và được trải bằng vải, ni phù hợp với từng loại bàn.

d) Có bi sử dụng phù hợp với từng loại bàn.

đ) Có cơ, cầu nối, lơ, giá để cơ, băng ghi điểm.

e) Ánh sáng tại các điểm trên mặt bàn và thành băng ít nhất là 300 lux.

g) Trường hợp đèn được thiết kế cho mỗi bàn thì khoảng cách từ điểm thấp nhất của đèn đến mặt bàn ít nhất là 1m.

h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn trong tập luyện.

(2) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker (Bãi bỏ Điều 4 của Thông tư này)

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

66. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Khu vực đặt bàn phải có mái che, kín gió, không bị chói mắt. Sàn bằng phẳng, không trơn trượt.

b) Bàn bóng được đặt trong khu vực có kích thước chiều rộng ít nhất 5m, chiều dài ít nhất 8m.

c) Mặt bàn có độ nảy đồng đều khoảng 23cm khi thả quả bóng tiêu chuẩn rơi từ độ cao 30cm xuống mặt bàn.

d) Quả bóng hình cầu có đường kính 40mm, nặng 2,7g làm bằng chất liệu xen-lu-lô-ít hoặc chất liệu nhựa dẻo tương tự, có màu trắng hoặc màu da cam.

đ) Lưới và cọc lưới có chiều cao 15.25cm. Khoảng cách giới hạn ngoài đường biên dọc với cọc lưới là 15.25cm, mép trên của lưới phải cao đều 15.25cm, mép dưới của lưới phải sát với mặt bàn, cạnh bên của lưới phải sát với cọc lưới.

e) Bảo đảm ánh sáng đồng đều tới các điểm trên mặt bàn và khu vực bàn bóng ít nhất 300 Lux, đèn được thiết kế cho mỗi bàn có chiều cao ít nhất tính từ mặt bàn là 4m.

g) Tấm chắn bóng quanh khuôn viên đặt bàn cao 75cm, sẫm màu, tránh phản quang và lẫn với màu của quả bóng.

h) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế, nơi thay đồ, cất giữ đồ và khu vực vệ sinh.

i) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên.

b) Bàn bóng được đặt trong khuôn viên có kích thước chiều rộng ít nhất 7m, chiều dài ít nhất 14m.

c) Có bàn để bảng lật số, ghế trọng tài.

(3) Mật độ tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này)

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

67. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất tập luyện, thi đấu và biểu diễn

a) Có khu vực xuất phát và khu vực đổ đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Độ cao chênh lệch giữa khu vực xuất phát cao hơn khu vực đổ ít nhất là 70 mét;

- Kích thước khu vực xuất phát:

+ Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc;

+ Đối với môn Điều bay ít nhất là: 10 mét chiều ngang và 10 mét chiều dọc.

- Kích thước khu vực đổ:

+ Đối với môn Dù lượn ít nhất là: 30 mét chiều ngang và 30 mét chiều dọc;

+ Đối với môn Điều bay ít nhất là: 15 mét chiều ngang và 60 mét chiều dọc.

b) Điều kiện gió phù hợp để cất cánh:

- Đối với dù lượn cấp độ thấp (cấp độ EN A, EN B) là 0-5,5 m/s;

- Đối với dù lượn cấp độ cao, dù lượn thi đấu là từ 0-8,8 m/s;

- Đối với điều bay không có động cơ là từ 6,6-8,8 m/s;

- Đối với điều bay có động cơ là từ 0-8,8 m/s.

c) Có các bảng nội quy, bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát và khu vực đổ đối với các nội dung sau đây:

- Bảng nội quy quy định về: Giờ tập luyện, đối tượng được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, thi đấu và các quy định khác;

- Bảng chỉ dẫn quy định về: Bản đồ khu vực bay, giới hạn khu vực bay, các quy định về khu vực bay, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý bay, tần số bộ đàm và cách thức liên lạc khi cần thiết.

d) Kế hoạch an toàn, tìm kiếm và cứu nạn

- Kế hoạch nêu rõ các biện pháp bảo đảm an toàn, tìm kiếm và cứu nạn trong vùng hoạt động bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở và phải thường xuyên kiểm tra, cập nhật kế hoạch bay;

- Người tham gia hoạt động môn Dù lượn và môn Điều bay phải được phổ biến và hướng dẫn kế hoạch bay để nắm rõ về cách thức liên lạc và trình tự các bước tìm kiếm, cứu nạn.

(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu và biểu diễn

a) Dù chính, dù phụ (đối với môn Dù lượn) và điều, dù phụ (đối với môn Điều bay), đai ngồi, hệ thống dây an toàn, bộ đàm, mũ bảo hiểm, giày, thiết bị đo độ cao, định vị toàn cầu.

b) Phải có phương tiện thông tin, liên lạc đảm bảo yêu cầu liên lạc thông suốt từ bộ phận điều hành đến quản lý bay khu vực, các vùng hoạt động dù lượn và điều bay thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ sở thể thao và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

c) Hình thức Dù lượn và Điều bay phải bảo đảm phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống Văn hóa dân tộc.

(3) Tần suất bay và mật độ hướng dẫn

a) Khoảng thời gian cất cánh giữa các lượt bay tối thiểu là 90 giây.

b) Mật độ hướng dẫn tập luyện:

- Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn phải bảo đảm:

+ Hướng dẫn không quá 05 người trong một giờ học;

+ Bay kèm không quá 01 người/1 lượt bay.

c) Một người tập bay không quá 2 chuyến/một ban bay.

(4) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(5) Nhân viên chuyên môn:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc Văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay (Bãi bỏ Điều 7 của Thông tư này).

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm;

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập luyện có kích thước ít nhất 08m x 11m.

b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt, bề mặt sàn được lát bằng một trong các vật liệu sau: Gỗ tự nhiên, gỗ công nghiệp, gạch men, đá hoa.

c) Khoảng cách từ mặt sàn đến điểm thấp nhất trên trần hoặc mái che ít nhất là 2,8m.

d) Hệ thống âm thanh có cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên.

đ) Ánh sáng phục vụ tập luyện ít nhất từ 150Lux trở lên.

e) Có ghế ngồi và gương.

g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật trang thiết bị tập luyện, thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các khoản a, b, c, d, đ, e, g và h mục (1) nêu trên.

b) Ánh sáng phục vụ thi đấu ít nhất từ 200 Lux trở lên.

(3) Cơ sở vật chất, trang thiết bị biểu diễn

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, h mục (1) và điểm b mục (2) nêu trên.

b) Mặt sàn biểu diễn bằng phẳng, không trơn trượt.

c) Trang phục không được làm bằng chất liệu hoặc màu trong suốt và phải che kín những vùng nhạy cảm của cơ thể người biểu diễn.

(4) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m²/01 người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện không quá 35 người/01 buổi tập.

(5) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao (*Bãi bỏ Điều 7 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

69. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập có kích thước từ 08m x 08m trở lên.

b) Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm.

c) Khoảng cách từ sàn nhà đến trần ít nhất là 03m.

d) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 90dBA trở lên.

đ) Ánh sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.

e) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

g) Trang bị các dụng cụ hỗ trợ phục vụ người tập: Máy chạy bộ, tạ, bục, gậy, vòng, bóng.

h) Có khu vực thay đồ và nhà vệ sinh.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, giờ tập luyện, trang phục tập luyện và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị tập luyện, thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, đ, e và h mục (1) nêu trên.

b) Sàn thi đấu có kích thước ít nhất là 12m x 12m.

c) Hệ thống âm thanh bảo đảm cường độ ít nhất từ 120dBA trở lên.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 02m²/01 người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

70. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Sàn tập có diện tích ít nhất là $64m^2$ (mỗi chiều ít nhất là 8m). Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm có độ đàn hồi, độ dày ít nhất 4cm.

b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

đ) Có võ phục chuyên môn Judo, bảo đảm 01 bộ/người.

e) Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

g) Có bảng nội quy, bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d và đ mục (1) nêu trên.

b) Có các khu vực: Cân vận động viên, khởi động, khu điểm danh, khu kiểm tra võ phục và đặt bàn y tế.

c) Có đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất $03m^2/01$ người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

71. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Địa điểm tập luyện:

- Phòng tập luyện diện tích ít nhất 60 m², khoảng cách từ sàn đến trần ít nhất 2,8 m, không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng. Khoảng cách giữa các trang thiết bị tập luyện đảm bảo từ 10cm đến 30cm.

- Ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

- Nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

b) Trang thiết bị tập luyện phải đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Địa điểm thi đấu môn Thể dục thể hình và Fitness diễn ra trong nhà, trong sân tập hoặc ngoài trời.

b) Sân khấu: Kích thước sân khấu 12m x 12m và có chiều cao 0,8m. Mặt sân khấu phải được trải thảm mềm. Thảm màu xanh nước biển hoặc màu xanh ngọc.

c) Phòng: Phía sau sân khấu thi đấu phải căng một tấm phông với một trong những màu sắc sau đây: Xanh đen, nâu sẫm, xanh lục sẫm, tím sẫm.

d) Bục thi đấu môn Thể dục thể hình đặt ở vị trí trung tâm sân khấu. Kích thước bục dài 06m, rộng 02m và cao 0,3m, có thảm bao xung quanh màu lục nhạt hoặc màu lam nhạt.

đ) Ánh sáng từ 1500lux trở lên. Đối với môn Fitness phải sáng đều khắp sân khấu; đối với môn Thể dục thể hình ánh sáng tập trung chiếu rọi khu vực bục thi đấu.

e) Hệ thống âm thanh trong tình trạng hoạt động tốt.

g) Khu vực khởi động phải gần địa điểm thi đấu. Trang thiết bị khởi động cần có gồm: Các cần tạ, bánh tạ, tạ tay, dây chun, dây lò xo, ghế tập.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 70 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness, (Bãi bỏ Điều 5 của Thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

72. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²;
- Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt;
- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà ít nhất là 05m. Trong trường hợp có sử dụng dàn mai hoa thung khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà ít nhất là 07m;
- Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập;
- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Lân Sư Rồng ngoài trời phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Sàn tập luyện có diện tích ít nhất 200m²;
- Mặt sàn phải bằng phẳng, không trơn trượt;
- Hệ thống chiếu sáng bảo đảm độ rọi từ 150 Lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập;
- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Đầu Rồng, mình Rồng, đầu Lân, đuôi Lân, các loại trang phục và đạo cụ như: loại trống, chiêng, thanh la, nạ bạt phải đảm bảo an toàn và phù hợp với quy định của Luật thi đấu Lân Sư Rồng hiện hành hoặc theo truyền thống của từng địa phương.

b) Các trang thiết bị, đạo cụ dùng để tập luyện, thi đấu và biểu diễn là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Dàn Mai hoa thung: Độ cao của cột cao nhất không vượt quá 03m, xung quanh dàn Mai hoa thung phải có đệm bảo vệ.

d) Cột Lân leo phải bảo đảm chắc chắn, chiều cao tối đa không vượt quá 10m. Cột leo từ 06m trở lên bắt buộc bằng kim loại. Hệ thống chân đế của cột phải chắc chắn, có dây chằng cột, nệm bảo vệ xung quanh cột và dây bảo hiểm bảo đảm an toàn cho người tập luyện.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người/01 nội dung tập luyện.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):
- Tên giao dịch (nếu có):
- Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
- Giới tính:Chức danh:
- Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
- Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp đề kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

73. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Diện tích sàn tập tối thiểu 30m²;
- Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;
- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m;
- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện, thi đấu và biểu diễn môn Võ đạo thể thao giải trí ngoài trời phải bảo đảm yêu cầu sau:

- Diện tích sàn tập tối thiểu 30m²;
- Sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt;
- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện: Mỗi cá nhân tham gia tập luyện phải tự trang bị tấm lót khuỷu tay, tấm lót đầu gối, mũ đội đầu.

b) Trang thiết bị thi đấu

- Thiết bị liên lạc cho các thành viên tổ chức và điều hành giải;
- Bàn chơi nhạc, đồng hồ bấm giờ, bảng điểm, vạch giới hạn sân thi đấu và các trang thiết bị khác bảo đảm an toàn cho vận động viên tham gia thi đấu theo quy định của Luật thi đấu và điều lệ thi đấu của giải.

c) Trang thiết bị biểu diễn: Bàn chơi nhạc, thiết bị liên lạc đáp ứng yêu cầu của buổi biểu diễn.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm tối thiểu $2m^2/01$ người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một giờ học.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

74. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Cơ sở vật chất

- Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

- Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên;

- Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh;

- Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện;

- Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Trang thiết bị

- Găng tập luyện: 01 đôi/01 người;

- Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người;

- Bao đệm (bao cát), gối đệm;

- Dụng cụ đỡ đòn (lãm pơ);

- Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01 chiếc/ 01 người.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Sàn tập có diện tích ít nhất từ 60m² trở lên, mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt;

b) Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên;

c) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

d) Có khu vực thay đồ, gửi đồ và nhà vệ sinh;

đ) Găng tập luyện: 01 đôi/01 người;

e) Mũ bảo vệ: 01 chiếc/01 người;

g) Bịt răng, bảo vệ bộ hạ (kuki), băng đá, dây nhảy: 01 chiếc/ 01 người.

h) Khu vực thi đấu: Kích thước ít nhất là 06m x 06m, xung quanh có dây bảo vệ, khoảng cách từ dây bảo vệ đến khu vực khán giả ít nhất là 02m.

i) Các khu vực khác: Cân võ sinh, khởi động và bàn y tế.

k) Đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng cơ thể.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện bảo đảm ít nhất 02m²/01người.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

75. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

(2) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Cơ sở vật chất môn Võ cổ truyền, môn Vovinam phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- Sàn tập phải bằng phẳng, không trơn trượt;
- Khoảng cách an toàn từ sàn tập đến vật xung quanh ít nhất là 2,5m;
- Không gian tập luyện thoáng mát, ánh sáng từ 150 lux trở lên;
- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập, có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;
- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục khi tham gia tập luyện, các biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

b) Trường hợp tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền, môn Vovinam trong nhà, khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà không thấp hơn 2,7m.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị phục vụ tập luyện đối kháng bao gồm: Mũ bảo hiểm, bao răng, bảo vệ hạ bộ, băng chân bảo vệ cổ chân, băng tay bảo vệ khuỷu tay, quần áo tập luyện, găng tay, áo giáp.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Võ cổ truyền, môn Vovinam theo quy định của Luật thi đấu Võ cổ truyền, Luật thi đấu Vovinam.

c) Các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện và thi đấu là vũ khí thô sơ phải được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

(3) Mật độ tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất là $2,5m^2/01$ người tập.

b) Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 40 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam, *(Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này)*.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

76. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn tô nước trên biển

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Vùng hoạt động mô tô nước phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được xác định bằng hệ thống phao neo, cờ định vị;

- Phao neo, cờ định vị có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát; khoảng cách giữa các phao neo, cờ định vị nhiều nhất là 50m. Phao neo hình cầu; đường kính ít nhất là 30cm; chất liệu được sử dụng làm phao neo phải là các chất liệu không gây ô nhiễm môi trường. Cờ định vị hình chữ nhật, có kích thước 25cm x 30cm;

- Có độ sâu ít nhất là 2m, không có đá ngầm, rạn san hô, công trình trên biển, khu vực bãi tắm hoặc chướng ngại vật khác;

- Khoảng cách từ mép nước của bờ biển đến giới hạn ngoài của vùng hoạt động nhiều nhất là 650m và đến giới hạn trong của vùng hoạt động ít nhất là 60m.

b) Khoảng cách giữa cửa ra, cửa vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện ít nhất là 250m. Cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu phương tiện phải có chiều rộng ít nhất là 06m.

c) Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu và các thiết bị sơ cứu, cấp cứu ban đầu khác phù hợp với yêu cầu tập luyện, biểu diễn, thi đấu môn Mô tô nước trên biển.

d) Có bảng nội quy được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực xuất phát, cửa ra, cửa vào của bến bãi neo đậu.

Bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng không được tham gia tập luyện, thi đấu, biểu diễn; trang phục tập luyện, thi đấu, biểu diễn; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện, biểu diễn và thi đấu; không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động được xác định bằng phao neo, cờ định vị và các quy định khác.

(2) Trang thiết bị

a) Động cơ của mô tô nước phải có công suất tính bằng sức ngựa, phù hợp với thiết kế kỹ thuật của phương tiện.

b) Mô tô nước khi đưa vào hoạt động phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Thông tin liên lạc và cứu hộ

- Hệ thống thông tin bảo đảm yêu cầu liên lạc từ bộ phận điều hành và cứu hộ đến các vùng hoạt động mô tô nước;

- Trạm quan sát bảo đảm quan sát được toàn bộ vùng hoạt động mô tô nước;

- Có ca nô cứu hộ; có ít nhất là 05 phao cứu sinh trên một ca nô cứu hộ;

- Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 áo phao.

(3) Có xưởng máy cứu sinh.

(4) Mật độ hướng dẫn tập luyện: Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người trong một lần tập.

(5) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(6) Nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc Văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển, (Bãi bỏ Điều 6 của Thông tư này).

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

... - Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

77. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Mặt sân bằng phẳng và được phủ bằng một trong các chất liệu sau: Cỏ tự nhiên, cỏ nhân tạo, đất nện, cát mịn, sàn gỗ, chất dẻo tổng hợp, chất nhựa tổng hợp.

b) Mặt sân và đường bao quanh sân không có chướng ngại vật và các vật liệu dễ gây chấn thương; đường bao quanh sân không cao hơn mặt sân, nếu cao hơn phải được phủ bằng chất liệu an toàn.

c) Khoảng cách từ đường biên dọc, biên ngang của sân đến hàng rào, khán đài hoặc sân liền kề ít nhất là 2,5m.

d) Sân bóng đá liền kề nhà ở, công trình công cộng, đường giao thông phải có hàng rào hoặc lưới chắn bao quanh sân cao ít nhất là 05m.

đ) Bảo đảm độ chiếu sáng trên sân ít nhất là 150 lux.

e) Trường hợp có tường tập sút cầu môn, tường tập sút cầu môn có chiều rộng ít nhất là 05m, chiều cao ít nhất là 2,5m và phải được làm bằng vật liệu bền chắc.

g) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

h) Có khu vực vệ sinh, thay trang phục cho người tham gia tập luyện và thi đấu môn Bóng đá.

i) Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; các đối tượng không được tham gia tập luyện; trang phục khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện

- Khung cầu môn được làm bằng một trong các chất liệu sau: Kim loại, gỗ hoặc chất dẻo tổng hợp, bảo đảm kích thước theo quy định của Luật thi đấu bóng đá. Cột cầu môn tròn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện, thi đấu bóng đá.

- Bóng có kích thước và trọng lượng theo quy định của Luật thi đấu bóng đá.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Bóng đá phải bảo đảm theo quy định của Luật thi đấu Bóng đá.

(3) Mật độ tập luyện: Mật độ tập luyện trên sân bóng đá bảo đảm ít nhất 25m²/người tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá, (Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

78. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

-) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

a) Mặt sân phẳng, không trơn trượt, có độ dốc thoát nước và được phủ bằng sơn, cỏ, đất nện hoặc chất liệu tổng hợp.

b) Sân đơn có chiều dài là 23,77m; chiều rộng là 8,23m. Sân đôi có chiều dài là 23,77m; chiều rộng là 10,97m.

c) Lưới chắn bóng bao quanh sân, bảo đảm khoảng cách từ mép biên ngang đến lưới chắn ít nhất là 4m và khoảng cách từ mép biên dọc đến lưới chắn ít nhất là 3m.

d) Độ chiếu sáng trên sân bảo đảm từ 150Lux trở lên.

đ) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực vệ sinh, thay đồ và nơi cất giữ đồ dùng cá nhân.

e) Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng không được tham gia tập luyện; biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

a) Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ mục (1) nêu trên.

b) Có ghế trọng tài, bảng điểm và dụng cụ đẩy nước.

c) Trường hợp sân thi đấu có mái che, chiều cao từ mặt sân đến điểm thấp nhất của mái che ít nhất là 9m.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 12 người trong 01 buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt (Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

79. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin trong nhà, trong sân tập phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

- Diện tích sân phải từ 300m² trở lên;

- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chướng ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

b) Hoạt động tập luyện và thi đấu môn Patin ngoài trời phải thực hiện theo quy định như sau:

- Diện tích sân phải từ 300m² trở lên;

- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

c) Hoạt động biểu diễn môn Patin phải thực hiện theo quy định như sau:

- Bề mặt sân bằng phẳng, dốc trượt và mô hình chướng ngại vật phải nhẵn, không trơn trượt; đối với dốc trượt, mô hình chướng ngại vật và các góc cạnh phải được xử lý đúng kỹ thuật thiết kế chuyên dùng và được trang bị bảo hiểm để bảo đảm an toàn, không gây nguy hiểm cho người tập luyện;

- Khoảng cách từ mặt sàn đến trần nhà: Đối với sân bằng phẳng, khoảng cách từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 3,5m. Đối với sân có dốc trượt và mô hình chướng ngại vật, khoảng cách từ đỉnh dốc điểm cao nhất của chướng ngại vật đến trần nhà ít nhất là 04m;

- Không gian tập luyện phải bảo đảm thông thoáng, ánh sáng từ 150 lux trở lên;

- Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

- Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện các đối tượng không được tham gia tập luyện, trang phục, thiết bị khi tham gia tập luyện, các biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Trang thiết bị

a) Trang thiết bị tập luyện và biểu diễn

- Tấm lót khuỷ tay;

- Tấm lót đầu gối;

- Mũ đội đầu;

- Giày trượt phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

+ Thân giày chắc chắn, ôm chân, không lỏng lẻo, không bị nghiêng, vẹo quá 45°, có khóa chắc chắn, lót trong của giày phải êm, thông thoáng;

+ Bánh xe cao su, có độ đàn hồi, 02 vòng bi cho một bánh xe với vòng đệm ở giữa, không sử dụng loại một trục;

+ Khung đỡ và lắp bánh của giày (Frames): Bằng hợp kim nhôm (Alu) có độ cứng trên 5000, có độ dày không nhỏ hơn 01 mm hoặc bằng nhựa có độ dày không nhỏ hơn 02 mm.

b) Trang thiết bị thi đấu môn Patin phải bảo đảm theo quy định của Luật thi đấu Patin hiện hành.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

a) Mật độ tập luyện trên sân bảo đảm ít nhất 05m²/01 người tập.

b) Mỗi hướng dẫn viên hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin, (Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:
- Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....
- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

80. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất

a) Khu vực lặn biển phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, biển báo được định vị phù hợp với tọa độ trên hải đồ. Phao tiêu, biển báo phải có màu sắc tương phản với màu nước và cảnh quan môi trường để dễ quan sát.

b) Có phương tiện thủy nội địa vận chuyển người lặn biển, người hướng dẫn tập luyện, nhân viên cứu hộ và các trang thiết bị, dụng cụ môn Lặn biển thể thao giải trí.

c) Có khu vực tập kết phương tiện thủy nội địa và neo đậu phương tiện thủy nội địa.

d) Có phòng thay đồ, gửi đồ, nhà tắm, khu vực vệ sinh cho người lặn biển; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

đ) Có sổ theo dõi người lặn biển bao gồm những nội dung chủ yếu: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, tình trạng sức khỏe của người lặn biển, địa chỉ và số điện thoại liên hệ khi cần thiết.

e) Có bảng nội quy lặn biển quy định nội dung chủ yếu: Giờ tập luyện, các đối tượng không được tham gia, trang phục khi tham gia, biện pháp đảm bảo an toàn.

(2) Trang thiết bị

a) Trang bị bảo hộ cá nhân dành cho người lặn biển và người hướng dẫn tập luyện: Máy nén khí, bình khí nén, bình ô xy, đồng hồ định vị, đồng hồ đo áp lực, đồng hồ đo độ sâu, đồng hồ đo nhiệt độ, đồng hồ đo thời gian lặn, quần áo lặn, thắt lưng chì, chân vịt, kính lặn, ống thở, hệ thống van, đường ống dẫn khí đến miệng thở, phao cứu sinh.

b) Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo kết nối liên tục giữa trung tâm tìm kiếm, cứu nạn của địa phương hoặc của quốc gia với các khu vực hoạt động trong phạm vi quản lý của cơ sở.

(3) Bảo đảm an toàn

a) Khi có người lặn dưới biển, phương tiện thủy nội địa tổ chức hoạt động lặn biển phải treo cờ hiệu để báo hiệu đảm bảo an toàn cho người lặn biển.

b) Người hướng dẫn tập luyện phải hướng dẫn người lặn biển biết cách thức sử dụng bình khí, các thiết bị lặn, sử dụng phao cứu sinh và cách thức lặn.

c) Người lặn biển có trách nhiệm khai báo tình trạng sức khỏe theo quy định của cơ sở thể thao và chịu trách nhiệm về khai báo của mình.

(4) Có xưởng máy cứu sinh.

(5) Mật độ hướng dẫn tập luyện

Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 01 người lặn biển trong một lần lặn.

(6) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(7) Nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc Văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí, (Bãi bỏ Điều 7 của thông tư này).

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

81. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Quy định chung

a) Có tường bao quanh trường bắn dày ít nhất 20cm, chiều cao trên 03m;

b) Ánh sáng chung ít nhất 500 lux, ánh sáng mặt bia tối thiểu 1.500 lux;

c) Có kho, nơi cất giữ súng, đạn thể thao bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

d) Có khu vực kiểm tra trang thiết bị tập luyện và thi đấu;

đ) Trường bắn phải có tuyến bắn và tuyến bia song song với nhau, lối đi riêng từ tuyến bắn lên tuyến bia có vách ngăn an toàn dày ít nhất 02cm, cao ít nhất 02m;

e) Khu vực dành cho khán giả ở phía sau tuyến bắn, cách tuyến bắn ít nhất là 05m;

g) Có sổ theo dõi quá trình sử dụng súng, đạn thể thao được thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018;

h) Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện được thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018;

i) Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế;

k) Có bảng hướng dẫn cách sử dụng súng thể thao; có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Trích dẫn quy định của pháp luật về trách nhiệm của người tập luyện, người hướng dẫn tập luyện và các cá nhân có liên quan trong việc sử dụng và bảo quản súng thể thao; đối tượng tham gia tập luyện được phép sử dụng súng thể thao, giờ tập luyện, trang phục tập luyện.

Người tham gia tập luyện được sử dụng súng thể thao thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Quy định đối với trường bắn cự ly 50m

a) Chiều dài trường bắn ít nhất 60m; chiều dài được thiết kế gồm 50m (trong đó có ít nhất 35m ngoài trời hoặc khoảng trống) + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; Chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m, đảm bảo chứa được không ít hơn 10 bệ bắn;

b) Có phễu hoặc tấm chắn đạn đặt sát phía sau bia, làm bằng thép.

3. Quy định đối với trường bắn cự ly 25m

a) Chiều dài trường bắn ít nhất 35m; chiều dài được thiết kế gồm 25m (trong đó có ít nhất 12,5m ngoài trời hoặc khoảng trống) + 03m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng trường bắn không nhỏ hơn 15m;

b) Thùng hoặc phễu chắn đạn đặt song song và cách khung bia 01m về phía sau;

c) Có lưới chắn vỏ đạn phía trước người bắn.

4. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho các loại súng hơi

Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 20cm tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả; chiều rộng đảm bảo chứa được 10 bệ bắn, mỗi bệ bắn rộng 01m và cách nhau 01m.

5. Quy định đối với trường bắn cự ly 10m dùng cho bia di động

Chiều dài trường bắn ít nhất 20m; chiều dài được thiết kế gồm 10m + 02m tuyến bia + 05m tuyến bắn + khu vực khán giả. Chiều rộng trường bắn ít nhất 10m, được chia thành 02 khoang riêng biệt, mỗi khoang rộng 03m.

6. Quy định đối với trường bắn đĩa bay

a) Trường bắn có kích thước an toàn mỗi chiều không nhỏ hơn 150m;

b) Lưới an toàn cao 03m đặt ở phía trên tường bao quanh trường bắn;

c) Đảm bảo chiều dài từ hào phóng đĩa đến vị trí đứng bắn cách nhau không nhỏ hơn 15m;

d) Khoảng cách từ vị trí đứng bắn theo hướng bắn đến tường bao quanh ít nhất 70m;

đ) Có rào chắn cách ít nhất 07m ở phía sau đường di chuyển chắn giữa khán giả và khu vực bắn.

7. Quy định đối với trường bắn đạn sơn

a) Trường bắn có kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 100m;

b) Bên trong trường bắn đặt ít nhất 03 mục tiêu bắn bằng một trong các chất liệu: đất, gỗ, nhựa.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 1 và các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 phần (1) nêu trên.

2. Có 20 bệ bắn trở lên đối với các trường bắn cự ly 50m, 25m và 10m.

3. Có 02 khung bắn trở lên đối với trường bắn cự ly 10m súng trường hơi di động.

(3) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên vị trí bắn bảo đảm ít nhất 01 người/01m².

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 10 người/buổi.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

(1) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao,

câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

82. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân bóng ném

a) Sân bóng ném có chiều dài là 44m và chiều rộng là 22m;

b) Mặt sân bóng ném phẳng, không có độ dốc, không trơn trượt;

c) Tường bao quanh sân bóng ném cách đường biên dọc ít nhất là 1m; cách đường cuối sân ít nhất là 2m;

d) Đối với sân bóng ném trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 6m.

2. Cầu môn có chiều cao là 2m, chiều rộng là 3m tính từ mép trong của cầu môn; cạnh của cột cầu môn có chiều rộng là 8cm.

3. Lưới cầu môn và lưới chắn bóng:

a) Lưới cầu môn và lưới chắn bóng có màu sẫm, kích thước các mắt lưới không quá 10cm x 10cm;

b) Phía sau khung thành và cách đường khung thành 1,5m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 9m đến 14m và có chiều cao ít nhất là 5m tính từ mặt sân. Đối với sân ngoài trời không có tường bao, phía sau đường biên dọc và cách đường biên dọc 1m phải có lưới chắn bóng; lưới chắn bóng có chiều dài từ 28m đến 34m và có chiều cao ít nhất là 4m tính từ mặt sân.

4. Quả bóng

a) Bóng sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu Bóng ném;

b) Bảo đảm 01 người có ít nhất 01 quả bóng.

5. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

6. Có khu vực thay đồ, gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

7. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện, đối tượng tham gia tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức thi đấu môn Bóng ném được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 và 3, điểm a mục 4, mục 5 và mục 6 phần (1) nêu trên.

2. Mỗi sân có bảng điểm và đồng hồ tính thời gian.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 20 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện phải bảo đảm ít nhất 10m²/1 người.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

83. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/ giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân tập, sàn tập bằng phẳng, không trơn trượt, có diện tích từ 60m² trở lên đối với nội dung đối kháng (Sanshou) và 80 m² trở lên đối với nội dung quyền (Taolu).

2. Độ chiếu sáng sân tập, sàn tập bảo đảm từ 200 lux trở lên.

3. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có khu vực thay đồ, tủ gửi đồ, nhà vệ sinh.

5. Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

6. Có trang thiết bị tập luyện gồm:

a) Thảm tập có độ dày ít nhất là 2cm và có tính đàn hồi;

b) Võ phục, găng, giáp, mũ, kuki trong nội dung đối kháng;

c) Võ phục, các loại vũ khí thể thao thô sơ: Kiếm, đao, côn, thương đối với các bài quyền như Kiếm thuật, Đao thuật, Côn thuật, Thương thuật, Nam đao, Nam côn, Thái cực kiếm trong nội dung quyền.

Việc đăng ký, sử dụng kiếm, đao, côn, thương thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

7. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp đảm bảo an toàn khi tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện quy định tại các mục 2, 3, 4 phần (1) nêu trên.

2. Sàn thi đấu:

a) Đối với nội dung Taolu: Thảm đấu có tính đàn hồi, kích thước 18m x 12m x 0,1m;

b) Đối với nội dung Sanshou: Đài thi đấu có diện tích 8m x 8m, cao 0,8m, có đệm bảo vệ xung quanh.

3. Trang thiết bị thi đấu:

a) Thực hiện quy định tại điểm b, c mục 6 phần (1) nêu trên;

b) Đối với nội dung Taolu: Có bảng công bố điểm;

c) Đối với nội dung Sanshou: Có cân trọng lượng cơ thể võ sinh.

(3) Mật độ tập luyện

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 3m²/01 võ sinh.
2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh/buổi tập.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu, (Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp:// Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN TÓM TẮT****Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

84. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với leo núi nhân tạo

1. Tường leo

a) Tường leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 4,5m khi tổ chức tập luyện;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 8m khi tổ chức giải thi đấu cấp tỉnh, thành phố, câu lạc bộ;

- Bảo đảm chiều cao ít nhất 12m khi tổ chức giải thi đấu quốc gia.

b) Tường leo đối với leo khối đá:

- Chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m trở xuống: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với tường leo độ cao từ 3m đến 4,5m: Đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Mẫu bám trên tường leo bảo đảm không bị lỏng hoặc xoay vặn và theo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi quốc tế.

3. Khung kết cấu tường leo bảo đảm chịu được tải trọng của toàn bộ tường leo và lực tác động của người leo.

4. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu.

5. Có khu vực vệ sinh, thay đồ, nơi để đồ dùng cá nhân cho người tập.

(2) Cơ sở vật chất tập luyện và thi đấu đối với Leo núi tự nhiên

1. Vách leo

a) Vách leo đối với leo dẫn đường và leo với dây neo sẵn:

Các tuyến leo được cố định sẵn trên vách leo, các chốt an toàn được lắp đặt theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn Leo núi Quốc tế.

b) Vách leo đối với leo khối đá:

- Bảo đảm chiều cao không vượt quá 4,5m và có đệm bảo hộ dưới đất được đặt trên địa hình bằng phẳng;

- Đối với độ cao từ 3m trở xuống: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 12cm và có tính đàn hồi;

- Đối với độ cao từ 3m đến 4,5m: đệm bảo hộ dưới đất dày ít nhất 20cm và có tính đàn hồi.

2. Có bảng nội quy quy định về giờ tập luyện, trang phục tập luyện và biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện và thi đấu và bảng chỉ dẫn được đặt ở những vị trí dễ nhận biết trong khu vực leo. Nội dung bảng chỉ dẫn quy định về bản đồ khu vực leo, vạch giới hạn khu vực leo, số điện thoại của người có trách nhiệm quản lý leo và cách thức liên lạc khi cần thiết.

(3) Trang thiết bị tập luyện và thi đấu

1. Có giày leo núi chuyên dụng, dây leo núi, đai bảo hiểm, móc leo, thiết bị hãm, móc khóa carabiner, mũ bảo hiểm chuyên dụng, túi phẩn, dây phụ trợ tùy theo loại hình leo núi. Các thiết bị leo núi phải đảm bảo tiêu chuẩn của Liên đoàn leo núi quốc tế.

2. Bảo đảm thông tin liên lạc giữa người tập leo núi, người hướng dẫn tập luyện với bộ phận điều hành tại địa điểm tập luyện, thi đấu và cơ sở y tế.

(4) Mật độ tập luyện, hướng dẫn tập luyện và cứu hộ

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 15 người trong 01 giờ học.

2. Có nhân viên cứu hộ thường trực, bảo đảm 15 người tập có 01 nhân viên cứu hộ.

(4) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(5) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm:

a) Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

c) Có đủ nhân viên chuyên môn, bao gồm:

- Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nhân viên cứu hộ;

- Nhân viên y tế thường trực hoặc Văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao, (Bãi bỏ Điều 8 của thông tư này)

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
 Ngày cấp://Nơi cấp:
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

85. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sân bóng rổ

a) Sân bóng rổ có chiều dài ít nhất là 28m và chiều rộng ít nhất là 15m;

b) Mặt sân bóng rổ phẳng, cứng, không trơn trượt và không có chướng ngại vật;

c) Đối với sân bóng rổ ngoài trời, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân cách đường biên dọc của sân ít nhất là 2m và cách đường biên ngang của sân ít nhất là 5m. Trường hợp sân bóng rổ ngoài trời liền kề nhà ở, trường học, công trình công cộng hoặc đường giao thông, hàng rào, lưới chắn hoặc tường bao quanh sân bóng rổ cao ít nhất là 3m;

d) Đối với sân bóng rổ trong nhà, chiều cao tính từ mặt sân đến trần nhà ít nhất là 8m; tường nhà không được làm bằng vật liệu chói, lóa.

2. Bộ cột rổ

a) Cột và vành rổ được làm bằng kim loại;

b) Bảng rổ được làm bằng nhựa tổng hợp hoặc bằng gỗ;

c) Lưới rổ được làm bằng sợi nylon;

d) Khoảng cách tính từ mép trên của vành rổ xuống mặt sân bóng rổ theo chiều thẳng đứng là 3,050m đối với người tập trên 12 tuổi hoặc ít hơn 3,050m đối với người tập từ 12 tuổi trở xuống.

3. Quả bóng rổ

a) Quả bóng rổ phải được sử dụng phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định của Luật thi đấu bóng rổ;

b) Bảo đảm mỗi người có ít nhất 01 (một) quả bóng rổ.

4. Độ chiếu sáng bảo đảm trên sân ít nhất là 300 lux.

5. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế; có nơi thay đồ, cất giữ đồ và có khu vệ sinh.

6. Có bảng nội quy quy định những nội dung chủ yếu sau: Giờ tập luyện; đối tượng tham gia tập luyện; trang phục, trang thiết bị khi tham gia tập luyện; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn trong tập luyện.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu môn Bóng rổ được thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2, 4, 5 và điểm a mục 3 phần (1) nêu trên.

2. Mặt sân phải được làm bằng gỗ hoặc chất liệu tổng hợp.

3. Mỗi sân có dụng cụ lau và làm sạch mặt sân.

(3) Mật độ hướng dẫn tập luyện

1. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 người trong một buổi tập.

2. Mật độ tập luyện được bảo đảm ít nhất 10m²/người.

(4) Nhân viên chuyên môn: Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ (*Bãi bỏ Điều 6 của thông tư này*).

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....
 Tên giao dịch (nếu có):
 Tên viết tắt (nếu có):
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm
3. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại:Fax:
 Website:Email:
4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:
 Giới tính:Chức danh:
 Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:
 Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:
- Ngày cấp://Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:
6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.
7. Cam kết:
 - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

..... ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày....tháng.... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

86. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định từ chối nêu rõ lý do, nếu hồ sơ đầy đủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển phòng chuyên môn xử lý.

Bước 3: Phòng chuyên môn sau khi thẩm định, nếu thấy đủ điều kiện thì trình lãnh đạo Sở ký ban hành giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4: Tổ chức, công dân nhận kết quả qua mail, trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.danang.gov.vn hoặc địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

+ Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng.

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

g) Lệ phí: Thu theo Nghị Quyết số 45/2016/NĐ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sàn tập luyện có kích thước từ 20m x10m trở lên; bằng phẳng, không trơn trượt.

2. Độ chiếu sáng bảo đảm từ 150 lux trở lên.

3. Có chỗ gửi đồ, khu vực vệ sinh; có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có sổ theo dõi người tham gia tập luyện.

5. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục khi tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

6. Trang thiết bị tập luyện:

a) Bộ giáp vải (chịu lực 350N trở lên), áo giáp con (chịu lực 350N trở lên), mặt nạ (chịu lực 350N trở lên), áo giáp điện (đối với kiếm chém và kiếm liễu), găng tay, giày, bít tất;

b) Kiếm tập (bao gồm: Kiếm chém, kiếm liễu và kiếm ba cạnh).

c) Việc quản lý, sử dụng kiếm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

(2) Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Cơ sở vật chất thi đấu:

- Thực hiện theo quy định tại các mục 1, 2 phần (1) nêu trên.

- Đường thi đấu được làm bằng hợp kim có kích thước chiều dài từ 17m đến 18m và chiều rộng từ 1,5m đến 2,0m.

- Trang thiết bị thi đấu:

+ Thực hiện theo quy định tại điểm a mục 6 phần (1) nêu trên.

+ Kiếm thi đấu, dây điện mặt nạ, dây điện trên người.

(3) Điều kiện riêng đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện:

Hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao nếu có cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao hoặc kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh

mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

Người hướng dẫn tập luyện thể thao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

+ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao, (Bãi bỏ Điều 5 của thông tư này).

- Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ban hành danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm.

- Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

- Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp ngày.....tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính:Chức danh:

Sinh ngày:/...../ Dân tộc:Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao..... (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./

....., ngày tháng năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Website:

Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) của(tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo quy định tại Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao):

- Số lượng:.....

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.):

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;

- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều kiện đã trình bày/.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)